



KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CỦA DỰ ÁN IMOLA NHẪM PHỤC VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TAM NÔNG TẠI TỈNH THỪA THIỆN HUẾ

(tháng 3 – tháng 9/2010)

For Integrated Management of Lagoon Activities (IMOLA) Project
of Thua Thien Hue Province (FAO, GCP/VIE/029/ITA)

Vũ Trọng Bình
Nguyễn Ngọc Luân
Nguyễn Mai Hương
Trung tâm Phát triển Nông thôn (RUDEC)
Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD)

Huế, 12/2010

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT.....	3
Tóm tắt.....	4
I. Bối cảnh nghiên cứu	6
II. Mục đích, phương pháp	7
2.1. Mục đích.....	7
2.1.1. Công tác quy hoạch	8
2.1.2. Phát triển dựa vào cộng đồng (hay mô hình đồng quản lý)	8
2.1.3. Quá trình phân quyền (vấn đề thể chế và vai trò quản lý của Nhà nước và các tác nhân liên quan trong quá trình trao quyền quản lý).....	8
2.2. Phương pháp.....	9
2.2.1. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp.....	9
2.2.2. Phỏng vấn chuyên gia.....	9
2.2.3. PRA, thảo luận nhóm	9
2.3. Thời gian thực hiện	10
III. Đàm phá TGCH và tác động của dự án IMOLA.....	10
3.1. Bối cảnh đàm phá TGCH	10
3.2. Dự án IMOLA tại đàm phá TGCH.....	10
3.3. Tác động của dự án và kết quả đạt được	11
3.3.1. Quy hoạch nông thôn: xây dựng và triển khai Kế hoạch Quản lý tổng thể.....	11
3.3.2. Phát huy vai trò cộng đồng.....	12
3.3.3. Vấn đề thể chế và vai trò quản lý của Nhà nước và các tác nhân liên quan trong quá trình trao quyền quản lý (quá trình phân quyền).....	15
IV. Bài học kinh nghiệm từ dự án IMOLA trong PTNT	20
4.1. Phương pháp quy hoạch vùng.....	20
4.2. Huy động sự tham gia của cộng đồng.....	21
4.3. Phát triển thể chế thông qua quá trình phân quyền	22
V. Kinh nghiệm của dự án IMOLA và Nghị quyết Tam nông	22
5.1. Sự phù hợp của IMOLA với nhu cầu và chính sách địa phương.....	22
5.2. Hiệu quả đạt được của dự án	23
5.3. Sự phù hợp của dự án với Nghị quyết Tam nông	24
5.4. Các kinh nghiệm của dự án đối với phát triển cộng đồng.....	24
PHỤ LỤC.....	26

TỪ VIẾT TẮT

CHNC	Chi hội nghề cá
CSDL	Cơ sở dữ liệu
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
IMOLA	Dự án quản lý tổng hợp các hoạt động đầm, phá
KHCN	Khoa học Công nghệ
KHĐT	Kế hoạch Đầu tư
KHQLĐPTH	Kế hoạch quản lý đầm phá tổng hợp
KTXH	Kinh tế xã hội
LAPROCOF	Văn phòng điều phối hoạt động đầm phá
LĐTBOXH	Lao động – Thương binh – Xã hội
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
PRA	Phương pháp nghiên cứu có sự tham gia
SLA	Phân tích sinh kế bền vững
TNMT	Tài nguyên môi trường
TS	Thủy sản
UBND	Ủy ban Nhân dân

Tóm tắt

Dự án Quản lý Tổng hợp các Hoạt động Đầm phá Tam Giang (Thừa thiên Huế), là dự án đáp ứng được những yêu cầu phát triển trên đây. Là dự án nhằm: *Cải thiện dân sinh bằng cách tăng cường quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thủy sinh ở đầm phá, sự quản lý này sẽ có cộng đồng tham gia và phù hợp với yêu cầu kinh tế xã hội và sản xuất của dân cư* và được bắt đầu triển khai từ những năm 2006, qua 4 năm thực hiện, dự án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó đặc biệt phải kể đến việc đánh giá nguồn lợi tài nguyên, xây dựng quy hoạch, kế hoạch và các cam kết của cộng đồng trong khai thác nguồn lợi trong phá Tam Giang.

Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch để khai thác phát triển nguồn lợi không phải là một công việc quá mới đối với nhiều dự án phát triển. Tuy nhiên sự khác biệt là của dự án này là ở chỗ các hoạt động kể từ việc đánh giá hiện trạng tài nguyên môi trường đến việc xây dựng các cam kết của cộng đồng và thể chế hóa các nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên ở đây đều có sự tham gia của cộng đồng và các tác nhân liên quan trên địa bàn. Vì thế việc tổng kết kinh nghiệm của dự án này sẽ có nhiều ý nghĩa trong bối cảnh toàn Đảng toàn dân đang nỗ lực triển khai Nghị quyết hội nghị Trung ương 7 khóa X về vấn đề Nông nghiệp, nông dân và Nông thôn.

Đặt trong hệ quy chiếu với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Tam Nông, Dự án IMOLA đã đạt được một số bước đi tiệm cận với hướng tiếp cận của Tam Nông và Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng mô hình nông thôn mới của Đảng và Chính phủ Việt Nam, nổi lên 3 bài học chính:

- ***Công tác quy hoạch cần đặt lên hàng đầu trong phát triển nông thôn***

Công tác rà soát, xây dựng các quy hoạch về Tam Nông trong tương lai cần được đặt lên hàng đầu, trên cơ sở các thông tin đầu vào thu thập trong các quá trình điều tra đánh giá tổng thể về các mặt kinh tế xã hội tài nguyên môi trường

Việc áp dụng lập kế hoạch có sự tham gia trong quản lý dựa vào cộng đồng đã cải thiện chất lượng lập kế hoạch tại địa phương ở cấp xã và cấp thôn. Đây là một hình thức lập kế hoạch chi tiết và tổng hợp vốn không được chú trọng theo việc lập kế hoạch tiêu chuẩn hiện nay, và chủ yếu là lập kế hoạch ngành (riêng lẻ) ví dụ như lập quy hoạch nghề cá, quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch du lịch.v.v...Việc lập quy hoạch/kế hoạch ngành thường được tiến hành ở cấp huyện, do đó việc lập quy hoạch ở cấp xã và thôn vẫn còn có khoảng cách. Việc áp dụng quy hoạch có sự tham gia của địa phương ở cấp độ xã và thôn cũng cho thấy nhu cầu củng cố các tổ chức người sử dụng tài nguyên và/hoặc tổ chức cộng đồng. Hoạt động này ở đầm phá Tam Giang cũng giúp xác định vai trò mới của các đối tác quản lý theo phương pháp từ dưới lên.

Kết quả bước đầu cho thấy đây là một hướng đi đúng, được sự ủng hộ của người dân và cơ quan chuyên môn, chính quyền các cấp. Việc huy động được sự tham gia của chính quyền vào các hoạt động quy hoạch cũng là một nội dung quan trọng của dự án.

- ***Huy động sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn***

Dự án IMOLA đã xây dựng cơ chế đồng quản lý thông qua các Chi hội nghề cá để thực hiện mục tiêu quản lý bền vững nguồn tài nguyên đầm phá. Chi hội nghề cá là một tổ chức của

cộng đồng, thực hiện thay một số nhiệm vụ của Nhà nước về dịch vụ công trong quản lý tài nguyên mà Nhà nước thực hiện không có hiệu quả.

Nhờ có tác động của dự án, cộng đồng dân cư nông thôn khu vực đầm phá được tổ chức lại, cùng thực hiện những nguyên tắc chung của cộng đồng nhằm tránh những tổn thất và nguy cơ hiện hữu do cách khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản theo cơ chế mở lâu nay vẫn thực hiện. Từ những hộ ngư dân đơn lẻ, việc liên kết lại đã phát huy hiệu quả không chỉ trong quản lý tài nguyên mà còn đảm bảo bền vững về mặt kinh tế-xã hội. Kết quả này cho thấy cách tiếp cận và hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với những mục tiêu và nhiệm vụ do Nghị quyết Tam Nông đặt ra. Thứ nhất, dự án đang xây dựng một mô hình phát triển nông thôn theo hướng dựa vào cộng đồng, đáp ứng chủ trương xây dựng mô hình nông thôn mới mà hiện nay Ban bí thư đang chỉ đạo triển khai thí điểm phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia. Thứ hai, một số nhiệm vụ về quy hoạch, quản lý tài nguyên và đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn trong Nghị quyết đang được dự án đi đúng hướng. Chính vì thế, những bài học kinh nghiệm từ dự án IMOLA về xây dựng cơ chế đồng quản lý, phát triển các tổ chức dân sự, phát huy sự tham gia của cộng đồng, quy hoạch lãnh thổ sẽ phục vụ tốt cho việc xây dựng các chính sách cụ thể thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Tam nông.

▪ ***Vấn đề thể chế và vai trò quản lý của Nhà nước và các tác nhân liên quan trong trao quyền quản lý đầm phá (quá trình phân quyền)***

Là một dự án quản lý tổng hợp đa ngành nghề, đa lĩnh vực, cách tiếp cận đồng quản lý của dự án IMOLA đã huy động được sự tham gia chủ động, tích cực của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức ngư dân và các bên liên quan. Nhà nước ngày càng nâng cao trách nhiệm quản lý và đóng vai trò trong việc tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động đầm phá. Sự gia tăng của các hình thức khai thác hủy diệt trên khu vực đầm phá đòi hỏi Nhà nước phải hỗ trợ cộng đồng quản lý bằng cách xây dựng và ban bố các qui định và luật lệ trong tiếp cận, sử dụng tài nguyên. Bên cạnh đó, những người sử dụng nguồn lợi được tham gia nhiều hơn trong quá trình quản lý, được nâng cao vai trò trong việc xác định các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sử dụng nguồn lợi và đưa ra các quyết định quản lý liên quan.

Dự án IMOLA đã hỗ trợ thành lập và hoạt động cho 22 CHNC cơ sở và đang xúc tiến hỗ trợ công tác trao quyền khai thác thủy sản, mặt nước cho các CHNC cơ sở. Đây là mô hình thực hiện trao quyền khai thác thủy sản cho tổ chức của ngư dân, thiết lập cơ chế quyền tài sản tập thể (đầy đủ cơ sở pháp lý) đối với tài nguyên thủy sản. Việc trao quyền là chính thức hóa thực hành đồng quản lý thủy sản giữa chính quyền địa phương (UBND các cấp tỉnh, huyện, xã, tỉnh hội nghề cá) và tổ chức ngư dân (CHNC cơ sở). Các quy định truyền thống của cộng đồng đã được đưa vào quy chế của tập thể, tổ chức và được chính quyền thừa nhận (UBND xã xác nhận) là cơ sở pháp lý tốt đảm bảo sự công bằng và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên.

➤ **Sự phù hợp của dự án IMOLA và Nghị quyết Tam Nông**

Căn cứ vào các hoạt động của dự án IMOLA đã triển khai thời gian qua tại khu vực đầm phá Tam Giang- Cầu Hai cho thấy dự án đã tác động phù hợp với quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Tam Nông cũng như định hướng xây dựng Nông thôn mới mà Nghị quyết Tam Nông đã đề ra. Ví dụ về một số kết quả hoạt động của IMOLA: quy hoạch vùng sản xuất, gắn với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường (*nhiệm vụ 2*); ổn định cuộc sống, sinh kế cộng đồng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cư dân nông thôn (*nhiệm vụ 3*); hiệu quả về tổ chức cộng đồng và quản lý sản xuất (*nhiệm vụ 4*); xã hội hóa dịch vụ công, xây dựng “ban đồng quản lý” (*nhiệm vụ 6&7*)

I. Bối cảnh nghiên cứu

Trải qua hơn 20 năm đổi mới và phát triển, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam đã và đang đạt được những bước phát triển to lớn cả về chất và lượng. Tuy nhiên, tác động cộng hưởng của các quá trình toàn cầu hóa, đô thị hóa, hiện đại hóa, thị trường hóa và biến đổi khí hậu đang đặt khu vực nông nghiệp – nông thôn Việt Nam trước những khó khăn, thách thức mới về sản xuất, thị trường và thể chế phát triển. Trong bối cảnh phát triển mới, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW¹ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (gọi tắt là *Nghị quyết Tam Nông*) nhằm (i) nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; (ii) Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; (iii) Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để thực hiện được mục đích này, Nghị quyết cũng đã đưa ra những nhiệm vụ cụ thể như: Xây dựng nền nông nghiệp đa dạng và hiện đại, có sức cạnh tranh cao; Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn hiện đại, gắn với phát triển các đô thị; Nâng cao nhanh đời sống vật chất tinh thần của cư dân nông thôn, nhất là vùng khó khăn; Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; Đổi mới mạnh mẽ cơ chế chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn và phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là tổ chức nông dân.

Đây là Nghị quyết có tính quan trọng định hướng phát triển nông nghiệp - nông thôn trong 10 – 20 năm tới, giai đoạn Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghị quyết này khẳng định, lần đầu tiên phát triển nông nghiệp - nông thôn mang tính chiến lược cho phát triển cả nước. Bên cạnh 11 mô hình nông thôn mới cấp xã của Ban Bí thư TW Đảng CS Việt Nam đã được triển khai tại 11 tỉnh để thử nghiệm chính sách, đổi mới thể chế, và phương pháp xây dựng nông thôn mới, một Chương trình hành động cụ thể gồm 42 đề án đổi mới thể chế, chính sách và phát triển nông thôn mới cũng đã được Chính phủ ban hành². Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao nhiệm vụ là cơ quan Chính phủ thường trực cho quá trình thực hiện Nghị quyết, thử nghiệm phát triển nông thôn mới, xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới.

Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD) được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao là cơ quan nghiên cứu, tư vấn chính cho Bộ, Ban bí thư, Chính phủ, Quốc hội trong thực hiện các chương trình, đề án của Nghị quyết Tam nông. Đặc biệt, IPSARD có trách nhiệm tiến hành thử nghiệm xây dựng mô hình nông thôn mới và các chính sách, phương pháp trong phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng giao cho IPSARD làm đầu mối tiếp cận huy động tư vấn và tài trợ quốc tế trong nghiên cứu, thử nghiệm Tam nông tại khu vực nông thôn. Hợp tác quốc tế sẽ giúp hỗ trợ về phương pháp, kinh nghiệm, tài chính, huy động doanh nghiệp, các Viện nghiên cứu, các trường Đại học trong và ngoài nước... tham gia hỗ trợ phát triển nông thôn Việt Nam. Hơn thế, hợp tác quốc tế sẽ đem đến một cơ chế mềm dẻo, các cách nhìn mới, độc lập với các chương trình phát

¹ Ban hành ngày 5/8/2008

² Nghị quyết 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008

triển nông thôn do Chính phủ điều hành. IPSARD sẽ là cơ quan đầu mối để chuyển tải các kinh nghiệm, phương pháp, đề xuất của các dự án quốc tế với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan nhà nước triển khai phát triển nông thôn mới.

Với sự tài trợ của Chính phủ Ý, FAO đã cùng tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai dự án Quản lý tổng hợp hoạt động đầm phá (IMOLA)³ từ năm 2005. Để chuẩn bị xây dựng Chương trình phát triển nông thôn tại Thừa Thiên Huế, trong khuôn khổ hợp tác giữa FAO, Bộ Nông nghiệp và PTNT, và tỉnh Thừa Thiên Huế, IPSARD cùng FAO và dự án IMOLA thống nhất tổng kết kinh nghiệm của dự án IMOLA làm bài học kinh nghiệm cho triển khai Tam Nông. Tổng kết này dựa trên những quan điểm, mục đích, nhiệm vụ của Tam Nông để phân tích những đóng góp của dự án IMOLA trong phát triển nông thôn.

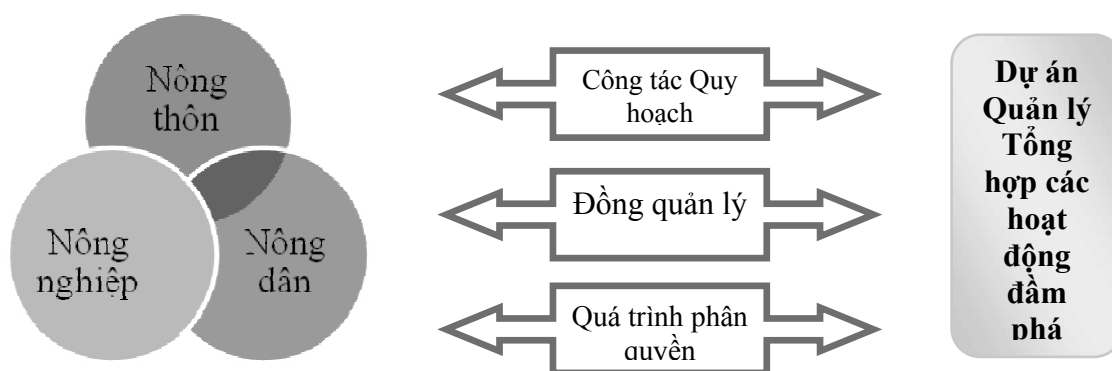
II. Mục đích, phương pháp

2.1. Mục đích

Nghiên cứu này tìm hiểu hoạt động của dự án IMOLA theo hệ quy chiếu là Nghị quyết Tam Nông (tập trung vào 4 quan điểm và 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết). Đây là hoạt động nghiên cứu kinh nghiệm của dự án chứ không phải đánh giá dự án. Kết quả mong đợi từ nghiên cứu này là những bài học kinh nghiệm phát triển nông thôn rút ra từ dự án IMOLA, đặt những bài học đó theo cách nhìn từ Nghị quyết Tam nông để đánh giá xem dự án IMOLA có tiệm cận với định hướng chung của Nghị quyết Tam Nông và các chương trình hành động liên quan tới phát triển nông nghiệp – nông thôn của Việt Nam hay không. Trên cơ sở đó, những đề xuất về phương pháp phát triển nông thôn được xây dựng nhằm phục vụ cho việc triển khai Nghị quyết cũng như đóng góp cho quá trình triển khai tiếp theo của dự án IMOLA.

Phát triển nông thôn là tổng hợp giữa phát triển xã hội, phát triển công nghệ và phát triển thể chế, là một quá trình dài đi từ nghiên cứu, thử nghiệm đến phát triển và định hình chính sách, thể chế. Đặt trong hệ quy chiếu với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Tam Nông, trên cơ sở nghiên cứu sơ bộ các thông tin liên quan tới Dự án, ba vấn đề lớn sau đây được nghiên cứu, đánh giá và tổng kết thành bài học kinh nghiệm:

- (1) Công tác quy hoạch
- (2) Phát triển dựa vào cộng đồng
- (3) Quá trình phân quyền



³ Dự án GCP/VIE/029/ITA

2.1.1. Công tác quy hoạch

Quy hoạch là vấn đề then chốt của mỗi dự án phát triển. Trong khuôn khổ đánh giá này, nhóm nghiên cứu mong muốn xác định được phương pháp quy hoạch khu vực đầm phá TGCH của dự án, trong đó làm rõ phương pháp tiếp cận, cơ chế tham gia của các tác nhân liên quan, quá trình thể chế hóa bản quy hoạch từ dự án IMOLA để trở thành bản đề án của địa phương. Quá trình thể chế hóa bản quy hoạch sẽ được mô phỏng. Phương pháp tiếp cận trong quy hoạch đầm phá TCGH sẽ được đối chiếu, so sánh cách tiếp cận, cách thức tiến hành, cơ chế xây dựng trong quá trình quy hoạch khu đầm phá TGCH với những quan điểm, mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết Tam Nông ban hành. Trên cơ sở đó đề xuất những nội dung, chính sách, cơ chế mới cần triển khai để quy hoạch khu đầm phá được hoàn thiện, đưa vào thực tiễn theo đúng tinh thần Nghị quyết Tam Nông và phù hợp với thực thể phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.1.2. Phát triển dựa vào cộng đồng (hay mô hình đồng quản lý)

Trong 6 đầu ra của dự án thì đầu ra 4 có liên quan trực tiếp đến vấn đề tổ chức cộng đồng và tổ chức dân sự, trong đó mấu chốt chính là việc thành lập và củng cố hoạt động của các Chi hội nghề cá. Thông qua các Chi hội nghề cá, một cơ chế đồng quản lý sẽ được thực hiện và đóng góp cho các kết quả đầu ra khác.

Cộng đồng và các tổ chức dân sự có vai trò quan trọng để thực hiện cơ chế đồng quản lý trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên đầm phá và đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân. Dựa trên cách thức tiếp cận, cơ chế hoạt động của mình, dự án IMOLA đã có tác động nhất định trong việc nâng cao sự tham gia và vai trò của cộng đồng, tổ chức dân sự vào quản lý, khai thác khu vực đầm phá. Các câu phần của phát triển dựa vào cộng đồng như cách thức tổ chức, liên kết cộng đồng, tổ chức dân và hiệu quả thực tiễn của các tác nhân này trong xây dựng, triển khai các hoạt động chung trong khai thác, quản lý, đầm phá sẽ được phân tích làm cơ sở cho việc đề xuất những nội dung, hoạt động, cơ chế mới nhằm nâng cao giá trị của dự án IMOLA trong phát huy nội lực cộng đồng, phi tập trung hóa, dân chủ hóa cơ sở, phát triển tổ chức dân sự theo định hướng Nghị quyết Tam Nông

2.1.3. Quá trình phân quyền (vấn đề thể chế và vai trò quản lý của Nhà nước và các tác nhân liên quan trong quá trình trao quyền quản lý)

Trong toàn bộ tiến trình phát triển này, vai trò của Nhà nước được thể hiện trong việc cung cấp dịch vụ công và chính sách. Dịch vụ công trong vùng đầm phá được thể hiện ở việc quản lý đất đai, lãnh thổ, quản lý đầu tư – tổ chức sản xuất. Quản lý dịch vụ công chính là quá trình phân quyền cho các tổ chức dân sự, cộng đồng và dân cư. Một trong những hoạt động và kết quả của IMOLA là tiến hành trao quyền quản lý mặt nước cho các Chi hội nghề cá cơ sở với sự hỗ trợ về mặt thủ tục, quy định của các cơ quan quản lý cấp tỉnh và chính quyền các cấp tại địa phương.

Đánh giá hướng tới xác định vai trò và sự tham gia của các thể chế dịch vụ công trong tiến trình thực hiện giao quyền quản lý mặt nước, sự tham gia của khu vực tư nhân (nếu có) cũng như làm rõ cách thức tổ chức và cơ chế tham gia của các thể chế này trong việc quản lý (phân quyền, giao quyền), khai thác tài nguyên đầm phá.

2.2. Phương pháp

Hoạt động được tiến hành kết hợp giữa hoạt động nghiên cứu tại bàn và khảo sát thực địa. Nhóm nghiên cứu chia làm 3 nhóm tiến hành tổng kết kinh nghiệm phát triển nông thôn của dự án IMOLA theo ba nội dung đã nêu trên.

2.2.1. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp

- Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến việc xây dựng quy hoạch kế hoạch quản lý và khai thác nguồn lợi ở đầm phá TGCH trong khuôn khổ dự án IMOLA
- Nghiên cứu các văn bản pháp luật, tài liệu, nghiên cứu liên quan đến việc xây dựng quy hoạch kế hoạch quản lý tài nguyên môi trường, quản lý vùng lãnh thổ
- Nghiên cứu các văn bản, tài liệu, số liệu thống kê liên quan đến hiện trạng tài nguyên môi trường, tình hình phát triển kinh tế xã hội, sinh kế người dân ở khu vực đầm phá TGCH
- Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến đồng quản lý, phân quyền, tổ chức cộng đồng, xây dựng Chi hội nghề cá tại đầm phá TGCH
- Tìm hiểu các văn bản của tỉnh liên quan đến công tác quản lý, quy hoạch tại đầm phá TGCH và việc triển khai Nghị Quyết Tam Nông

2.2.2. Phòng vấn chuyên gia

- Làm việc với Ban quản lý dự án:
 - o Trao đổi phương pháp tiếp cận, quá trình triển khai, tình hình hiện nay, kế hoạch trong thời gian còn lại của dự án
 - o Tìm hiểu thông tin các hoạt động thuộc các hợp phần khác nhau của dự án
 - o Trao đổi các vấn đề liên quan đến cộng đồng và các tổ chức nhân sự, trong đó tập trung vào các CHNC, vấn đề đồng quản lý, phân quyền, quy hoạch
- Làm việc với các cơ quan quản lý địa phương: Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Sở KHĐT, Chi cục PTNT, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Chi cục Nuôi trồng thủy sản, Tỉnh hội nghề cá, chính quyền một số huyện, xã.
 - o Tìm hiểu Chính sách của tỉnh và sự tham gia của Sở, Ban, ngành trong các hoạt động đầm phá
 - o Các hoạt động liên quan tới Chi hội nghề cá
 - o Vai trò của cộng đồng và các tổ chức dân sự để thực hiện đồng quản lý
 - o Trao đổi về cơ chế phối hợp giữa dự án và các tổ chức kinh tế, dân sự địa phương

2.2.3. PRA, thảo luận nhóm

- Chọn 4 xã (Lộc Bình, Vinh Hiền, Quảng Công, Hải Dương) thực hiện các buổi thảo luận nhóm và PRA:
 - o PRA với hội viên các Chi hội nghề cá
 - o Thảo luận nhóm với lãnh đạo UBND xã, đại diện các đoàn thể cấp xã, trưởng thôn, Ban lãnh đạo các Chi hội nghề cá

2.3. Thời gian thực hiện

Trên cơ sở mục đích, phương pháp và nội dung nghiên cứu đã xây dựng, nhóm công tác của IPSARD tiến hành khảo sát tại Thừa Thiên Huế trong tháng 3-4 năm 2010. Trong thời gian này đoàn đã làm việc với UBND tỉnh, Ban quản lý và chuyên viên dự án IMOLA, Tỉnh hội nghề cá, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Kế hoạch Đầu tư, Đại học Nông Lâm Huế, UBND huyện Phú Lộc, các xã Lộc Bình, Vinh Hiền, Vinh Giang, Vinh Hưng, Quảng Công, Hải Dương, một số Chi hội nghề cá và tiến hành phỏng vấn PRA đôi với các hộ nông dân

III. Đầm phá TGCH và tác động của dự án IMOLA

3.1. Bối cảnh đầm phá TGCH

Đầm phá TGCH ở Thừa Thiên Huế có chiều dài 70 km với diện tích mặt nước khoảng 22.000 ha là một trong những hệ đầm phá lớn nhất thế giới. Khoảng 1/3 dân số tỉnh Thừa Thiên Huế sống tập trung tại khu vực đầm phá và phụ thuộc vào các ngành nghề họ có thể khai thác được tại khu vực này như đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, vận chuyển, du lịch... Có thể nói đầm phá TGCH có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và khu vực đầm phá nói riêng.

Những năm vừa qua, áp lực của các ngành nghề khai thác trên khu vực đầm phá đã tạo sức ép lớn đối với môi trường và nguồn tài nguyên ở đây. Nhiều xung đột⁴ đã xuất hiện, sinh kế của người dân trở nên thiếu bền vững là những hệ quả của việc thiếu một cơ chế tổ chức, quản lý tốt việc khai thác tài nguyên đầm phá. Sức ép này dẫn đến đòi hỏi phải có những hành động kịp thời và hữu hiệu để thoát khỏi nguy cơ suy thoái toàn bộ đa dạng sinh học của vùng môi trường đầm phá, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo chất lượng sinh kế của người dân. Chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ NN&PTNT đã nhận thấy sự cần thiết phải xây dựng và triển khai hiệu quả một chiến lược quản lý. Dự án IMOLA được hình thành và thiết kế để hỗ trợ Chính phủ Việt Nam triển khai một chiến lược toàn diện trên mọi khía cạnh bằng các biện pháp như nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường và đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức về việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển nghiên cứu khoa học về môi trường vùng bờ và đầu tư vào quan trắc.

Dựa trên những hiểu biết về hiện trạng, những đặc điểm sinh thái và địa hình phức tạp cũng như sinh kế của người dân sống dọc ven phá, dự án IMOLA đang hỗ trợ UBND tỉnh, đặc biệt là Sở NN&PTNT xây dựng và triển khai các chiến lược quản lý và kế hoạch hành động đối với đầm phá.

3.2. Dự án IMOLA tại đầm phá TGCH

Dựa trên tiếp cận quyền sử dụng tài nguyên thủy sản và đồng quản lý, từ năm 2005, Dự án IMOLA bắt đầu thực hiện các hỗ trợ cho tỉnh Thừa Thiên Huế trong “*phát triển và thực hiện một kế hoạch quản lý tổng hợp vùng đầm phá, được xây dựng dựa trên sự đồng thuận của các bên liên quan, mà qua đó cân bằng việc sử dụng bền vững các tài nguyên vùng đầm phá với các sinh kế và nhu cầu của những người sử dụng tài nguyên*”.

⁴ Chủ yếu là các xung đột phát sinh liên quan tới tranh chấp diện tích/vùng đánh bắt, tranh chấp giữa ngư dân dùng ngư cụ hợp pháp và ngư dân dùng ngư cụ bất hợp pháp, mang tiếng hủy diệt. Xung đột dễ xảy ra giữa người trong xã và người ngoài xã

Mục tiêu và cách tiếp cận của dự án cho thấy sự phù hợp với yêu cầu phát triển đặt ra tại Nghị quyết Tam nông. Điều này thể hiện rõ ngay trong mục tiêu tổng thể của dự án: “*cải thiện dân sinh bằng cách tăng cường quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thủy sinh ở đầm phá, sự quản lý này sẽ có cộng đồng tham gia và phù hợp với yêu cầu kinh tế xã hội và sản xuất của dân cư*”. Qua 4 năm thực hiện, dự án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó đặc biệt phải kể đến việc ứng dụng các công nghệ kỹ thuật hiện đại vào đánh giá thực trạng đầm phá, xây dựng quy hoạch, kế hoạch và các cam kết của cộng đồng trong khai thác nguồn lợi trong phá Tam Giang, thử nghiệm để đưa tới một cơ chế mới về đồng quản lý được thể chế hoá...

Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch để khai thác phát triển nguồn lợi không phải là một công việc quá mới đối với nhiều dự án phát triển. Tuy nhiên sự khác biệt là của dự án này là ở chỗ các hoạt động kể từ việc đánh giá hiện trạng tài nguyên môi trường đến việc xây dựng các cam kết của cộng đồng và thể chế hóa các nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên ở đây đều có sự tham gia của cộng đồng và các tác nhân liên quan trên địa bàn. Như vậy quá trình phát triển nông thôn ở đây là cả một quá trình đi từ *Ý tưởng* đến *Đề xuất mang tính kỹ thuật*, tới *Đề xuất mang tính chính trị - xã hội*. Vì thế việc tổng kết kinh nghiệm của dự án này sẽ có nhiều ý nghĩa trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang nỗ lực triển khai Nghị quyết hội nghị Trung ương 7 khóa X về vấn đề Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn.

3.3. Tác động của dự án và kết quả đạt được

Dưới góc nhìn từ mục tiêu và định hướng của Nghị quyết Tam nông, ba nội dung được quan tâm khi bàn tới những tác động của dự án IMOLA là: (1) Quy hoạch nông thôn; (2) Phát huy vai trò cộng đồng; (3) Quá trình phân quyền

3.3.1. Quy hoạch nông thôn: xây dựng và triển khai Kế hoạch Quản lý tổng thể

- *Trình tự xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý đầm phá tổng thể tại Tam Giang – Cầu Hai*
- **Bước 1:** Cán bộ dự án bàn 6 buổi với nhóm sáng lập thường gồm 7 người (trưởng thôn, công an viên, mặt trận, chi bộ, phụ nữ, nông dân, thanh niên) để quyết định xem có nên thành lập chi hội không. Trong các buổi này, cán bộ dự án sẽ trình bày các thông tin chung từ các cuộc điều tra ở giai đoạn một và đưa ra các đề xuất cho người dân.
- **Bước 2:** Cán bộ dự án thảo luận một buổi với người già có kinh nghiệm: nguồn lợi, quá trình phát triển, kinh nghiệm đánh bắt
- **Bước 3:** Cán bộ dự án mời dân họp, dự án giới thiệu, thông tin các chi hội khác, tình hình nguồn lợi địa phương, đề nghị thành lập chi hội (1 buổi)
- **Bước 4:** Cán bộ dự án cùng với nhóm sáng lập và UBND xã mời đo đạc, định vị mặt nước, các trọt sáo căn cứ theo bản đồ ranh giới hành chính xã
- **Bước 5:** Dự án mời UBND xã, chi bộ thôn, các tổ sản xuất họp trừ bị đề thành lập ban chấp hành
- **Bước 6:** Sau thời gian 1 tháng thành lập ban chấp hành lâm thời
- **Bước 7:** Tập huấn 3 buổi (kỹ thuật đánh bắt, nuôi trồng và ban về quy chế)
- **Bước 8:** Họp ban chấp hành, thảo luận về quy chế (trường về tổ chức) 2 buổi
- **Bước 9:** Tỉnh hội nghề cá phê duyệt cho phép thành lập chi hội nghề cá
- **Bước 10:** Đại hội chính thức

- **Bước 11:** UBND huyện ra quyết định giao diện tích đất mặt nước cho chi hội với các quy định phân giới cụ thể và các điều lệ chi tiết để đảm bảo việc thực thi bản quy hoạch này.

➤ *Kết quả liên quan*

- Xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh liên quan đến các mặt kinh tế xã hội tài nguyên môi trường tại khu vực đầm phá phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch
- Thành lập được 22 chi hội nghề cá ở 8 xã với quy chế hoạt động đầy đủ
- Khoanh vùng và quy hoạch vùng khai thác trên thực địa (với tọa độ được định vị bằng vệ tinh) cho các chi hội này: (i) Định vị được các vị trí đặt nò sáo trên thực địa cho từng thành viên các chi hội này để đảm bảo dòng chảy lưu thông tốt hơn, (ii) Định vị được các vùng hạn chế khai thác (bãi đẻ), các vùng khai thác cho từng nhóm ngành nghề (đánh bắt cố định, đánh bắt di động, nuôi trồng thủy sản)
- UBND huyện Phú Lộc đã tiến hành trao quyền khai thác mặt nước cho hai chi hội vào đầu năm 2010

➤ *Tác động*

- Chất lượng môi trường nước đã được cải thiện rõ rệt (100% ý kiến người dân)
- Giao thông đường thủy đã thông thoáng hơn trước (81.25% ý kiến người dân)
- Nguồn lợi thủy sản đã bước đầu được khôi phục (75% ý kiến người dân)
- Tranh chấp, xung đột giữa các nhóm lợi ích, nhóm ngành nghề giảm (100% ý kiến người dân).
- Ý thức người dân trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản và giữ gìn môi trường đã được cải thiện.
- Chính quyền địa phương (lãnh đạo thôn, UBND cấp xã, huyện) đã tham gia tích cực vào quá trình xây dựng qui hoạch kế hoạch. Một số nội dung liên quan đến việc xây dựng quy hoạch kế hoạch đã được thể chế hóa.

3.3.2. Phát huy vai trò cộng đồng

➤ *Tiếp cận*

Trước thực trạng thiếu bền vững trong quản lý và khai thác tài nguyên đầm phá, cùng với quan điểm của tỉnh về quản lý dựa vào cộng đồng, dự án IMOLA thực hiện cách tiếp cận “đồng quản lý” bằng cách xây dựng các Chi hội Nghề cá và hình thành mối quan hệ, chia sẻ vai trò quản lý giữa Chi hội Nghề cá với chính quyền và các đơn vị liên quan tại địa phương. Cách tiếp cận này không mới và là những kinh nghiệm rút ra từ nhiều mô hình đồng quản lý tài nguyên thủy sản trên thế giới, nhưng lại rất mới ở Việt nam, phù hợp với quan điểm Tam Nông về trao quyền tự chủ cho cộng đồng, tạo ra một mối quan hệ mới giữa nhà nước, cộng đồng và tư nhân trong quản lý nông thôn. Với những tài nguyên dùng chung, sự tham gia quản lý của cộng đồng cùng với nhà nước là cần thiết để đảm bảo tính bền vững về môi trường, sinh kế cũng như phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tại một khu vực đặc thù như đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, dự án xác định cộng đồng dân cư bản địa với kỹ năng, hiểu biết và kinh nghiệm lâu đời của họ trong khai thác tài nguyên đầm phá chính là những tài sản có giá trị nhất, là công cụ để tổ chức cộng đồng, phát huy khả năng tự quản lý của cộng đồng và thực hiện cơ chế đồng quản lý giữa cộng đồng với chính quyền địa phương. Tiếp cận của Dự án đã cho thấy, phát huy nội lực của dân cư, cộng đồng không chỉ là về vật chất, mà giá trị hơn đó là kỹ năng, hiểu biết môi trường, tự nhiên, sản xuất

và tổ chức của dân cư mà Nghị quyết Tam nông và Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới coi như là điểm mấu chốt của quan điểm PTNT.

➤ *Các bước tác động Dự án trong xây dựng Đồng quản lí*

Đồng quản lí chỉ thực hiện được khi đạt được sự đồng thuận của các bên liên quan. Để hình thành mối quan hệ giữa cộng đồng và chính quyền địa phương, dự án đã tác động đầy đủ tới các yếu tố tự nhiên (chất lượng nước, bảo vệ môi trường, bảo vệ trữ lượng sinh học...), yếu tố con người (nhận thức, khả năng quản lí nguồn lợi tự nhiên, ý thức về vai trò của cộng đồng) và yếu tố kỹ thuật (hỗ trợ để thúc đẩy quá trình ra quyết định, các công cụ, thiết bị trực quan). Tác động của Dự án mang tính tổng hợp cả về kĩ thuật, xã hội và thể chế, mà ít có dự án nào làm được. Việc xây dựng công cụ kĩ thuật như các bản đồ quy hoạch, các đánh giá kĩ thuật... được dung làm công cụ thảo luận giữa cơ quan nhà nước, dân cư, cộng đồng nhằm tìm ra những vấn đề, giải pháp cho quản lí Đầm phá là một tiếp cận kĩ thuật – xã hội hết sức đặc biệt. Quá trình thảo luận này đã tạo ra một quá trình năng động địa phương trong trao đổi, xây dựng thoả thuận và thể chế hoá thành các qui tắc ứng xử chung giữa cơ quan nhà nước, cộng đồng và tổ chức dân sự địa phương. Đây là một tiếp cận mang tính tổng hợp có ý nghĩa nhiều trong triển khai các chương trình dự án của Tam nông.

Quá trình tác động xây dựng cơ chế đồng quản lí được thực hiện qua 10 bước cơ bản sau:

- **Bước 1:** Xây dựng kế hoạch hình thành cơ chế đồng quản lí: khảo sát địa bàn, đánh giá tính khả thi của đồng quản lí, chọn địa bàn tác động, thống nhất với cấp huyện về xây dựng đồng quản lí (hình thức, cách trao quyền...);
- **Bước 2:** Quy hoạch phân vùng các đơn vị quản lí tài nguyên: khảo sát chi tiết công tác quản lí và sử dụng tài nguyên tại địa bàn lựa chọn, tổ chức hội thảo phân vùng mặt nước tương ứng cho mỗi Chi hội nghề cá;
- **Bước 3:** Thành lập Chi hội nghề cá: các hoạt động tuyên truyền vận động người dân, thành lập Chi hội, bầu Ban chấp hành lâm thời, xây dựng điều lệ, phương án hoạt động, đăng ký pháp lý và đại hội thành lập chính thức;
- **Bước 4:** Kiện toàn cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực chi hội: phân vùng các tiểu vùng và các phân hội tương ứng, phát triển hội viên, hoàn thiện điều lệ, công tác truyền thông, xác định nhu cầu tập huấn và tổ chức tập huấn, tạo nguồn thu và lập kế hoạch quản lí tài chính;
- **Bước 5:** Quy hoạch chi tiết quản lí tài nguyên trong Chi hội: xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng và xác định mục tiêu quản lí vùng mặt nước của chi hội, lập bản đồ phân vùng, phóng tuyến, cắm mốc trên đầm phá;
- **Bước 6:** Xây dựng quy chế quản lí, khai thác đầm phá trong Chi hội: tiêu chí và quy trình xác định hộ được quyền tiếp cận khai thác (loại hộ, cấp thẻ, đăng ký, nộp phí...), quy định hoạt động của nhóm hộ về địa điểm, phạm vi, thời gian, quy mô khai thác, quy định về giám sát và giải quyết đối với các hộ vi phạm quy chế, các hộ khai thác huỷ diệt, quy định trong các tiểu vùng hay hoạt động đặc biệt trong đơn vị quản lí của chi hội, các quy định và cách thức giải quyết xung đột;
- **Bước 7:** Xây dựng kế hoạch quản lí, phát triển sinh kế và hoạt động hội;
- **Bước 8:** Thành lập Ban đồng quản lí tài nguyên và phân công trách nhiệm của từng thành viên trong Ban;
- **Bước 9:** Tư vấn, hỗ trợ quá trình trao quyền khai thác cho Chi hội: chuẩn bị hồ sơ, các văn bản pháp lý, đề nghị huyện thẩm định và trao quyền;
- **Bước 10:** Tư vấn, tổ chức thực hiện đồng quản lí, theo dõi quá trình thực hiện để củng cố, hỗ trợ.

➤ *Sự phát huy vai trò tham gia của cộng đồng*

Cách tiếp cận và tác động của dự án IMOLA đã thực sự phát huy vai trò tham gia của cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề tại khu vực đầm phá. Kết quả thực tiễn bước đầu cho thấy Chi hội nghề cá và cơ chế đồng quản lý là hai yếu tố cơ bản giúp cho cộng đồng dân cư đầm phá nói riêng và chính quyền tỉnh nói chung tạo ra một hướng đi bền vững trong quản lý và khai thác tài nguyên đầm phá, giúp dân cư ổn định đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quá trình xây dựng các qui tắc ứng xử thông qua các thể chế tại nông thôn đã giúp Dự án hình thành được mô hình quản lý công – tư, cộng đồng thức sự là chủ thể trong quản lý tài nguyên, môi trường và khai thác Đầm phá. Việc này là một ví dụ sự thành công cho định hướng triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới về việc nâng cao vai trò cộng đồng.

Chi hội nghề cá

Tại đầm phá Tam Giang, trước khi dự án IMOLA triển khai, cơ chế quản lý tập trung của nhà nước đối với tài nguyên thủy sản không phát huy hiệu quả. Năng lực thực của Nhà nước (chủ yếu thông qua việc đánh thuế tài nguyên) về quản lý tài nguyên không bảo đảm khiến cho các nguồn lợi chung rơi vào tình trạng “hàng hóa công cộng” (public good) và mọi cá nhân đều có thể tiếp cận (open access). Một ví dụ rõ nét cho sự bất lực của cơ chế quản lý nhà nước là việc các quy định của nhà nước trong việc ngăn ngừa khai thác hủy diệt tại các địa phương thường không được tuân thủ một cách nghiêm túc (Tuyền, 2009). Vì thế, các nguồn lợi tự nhiên tại phá Tam Giang Cầu Hai bị khai thác quá mức, cạn kiệt. Tình trạng suy thoái nguồn lợi và ô nhiễm môi trường đe dọa sinh kế của người dân sở tại.

Trong khi đó, theo cán bộ dự án IMOLA thì tài nguyên thủy sản là tài nguyên rất khó để tư nhân hóa bởi tính di cư của các loài động vật thủy sinh nên khó có thể phân chia tài nguyên này theo không gian và thời gian. Bên cạnh đó, nếu để các hộ quản lý riêng từng khoảng mặt nước của mình mà không có cơ chế quản lý chung thì sẽ dẫn đến hiệu ứng “tràn ra bên ngoài” (externality). Các hộ ngư dân sẽ tìm cách tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi cách mà không quan tâm đến những vấn đề ô nhiễm môi trường xung quanh. Do vậy, những loại tài nguyên dùng chung này đòi hỏi việc ra quyết định mang tính tập thể, có sự phối hợp trong sử dụng nguồn lợi và áp chế các quy định đã được cộng đồng những người sử dụng nguồn lợi thông nhất (Berkes, 1995). Chính vì vậy, nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng và triển khai quy hoạch khu vực đầm phá Tam Giang trong khuôn khổ dự án IMOLA là thiết lập một cơ chế quyền sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu một cách chặt chẽ hơn thông qua cơ chế đồng quản lý của cộng đồng.

Dự án phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng thông qua Chi hội nghề cá để thực hiện cách tiếp cận đồng quản lý. Hình thành và củng cố Chi hội nghề cá là một bước trong quá trình xây dựng và thực hiện cơ chế đồng quản lý. Song để thành lập được Chi hội nghề cá, dự án đã triển khai hàng loạt các tác động, từ thay đổi và nâng cao nhận thức của cộng đồng cho đến thảo luận phương án hoạt động tập thể, chuyển từ đơn lẻ sang liên kết dưới hình thức Chi hội, xây dựng Điều lệ, quy chế hoạt động của Chi hội... 75% người dân trả lời được tham gia thảo luận xây dựng bản đồ quy hoạch đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; 87.5% người trả lời được thảo luận hoạt động sắp xếp, quản lý nò sáo, ngư cụ; và 93.75% người được hỏi trả lời được thảo luận và xây dựng quy chế quản lý của các chi hội.

Chi hội nghề cá tại đầm phá Tam Giang – Cầu Hai là một tổ chức xã hội dân sự nghề nghiệp của người dân. Việc hình thành mạng lưới các Chi hội gắn liền với việc bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng dân cư đầm phá. Trong bối cảnh dân cư đang hoạt động đơn lẻ, nhiều mâu thuẫn

phát sinh, việc thay đổi nhận thức và liên kết cộng đồng là cần thiết nhưng cũng phức tạp do đặc thù các hoạt động tại từng vùng khác nhau trên đầm phá.

Khác với một số dự án khác cùng triển khai trên địa bàn thường chỉ tác động trên một phạm vi nhỏ mang tính mô hình, dự án IMOLA lựa chọn tác động tại hầu hết các khu vực có tính đại diện với mục tiêu xây dựng một bản Kế hoạch quản lý tổng hợp cho đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. 8 xã được dự án lựa chọn thử nghiệm với 22 Chi hội nghề cá được thành lập.

Quá trình thành lập các Chi hội nghề cá tùy thuộc vào từng địa bàn khác nhau. Sau quá trình khảo sát, chọn điểm, các bước cơ bản để xây dựng Chi hội nghề cá được thực hiện gồm:

- **Bước 1:** Thảo luận, tập huấn thay đổi nhận thức cho người dân, giúp người dân hiểu rõ thực trạng và sự bất ổn của việc khai thác đầm phá. Trong bước này dự án sử dụng các công cụ trực quan giúp người dân có thể quan sát trực tiếp, điều đó có tác dụng không nhỏ trong điều kiện nhận thức của người dân trong khu vực còn hạn chế;
- **Bước 2:** Lựa chọn những thành viên nhiệt tình, có uy tín, hiểu biết và có khả năng tổ chức cộng đồng. Những thành viên này được xem như Ban sáng lập của Chi hội, cùng dự án thảo luận phương án hoạt động tập thể dưới hình thức Chi hội nghề cá;
- **Bước 3:** Thảo luận với cộng đồng phương án hoạt động của Chi hội, trên cơ sở đó xây dựng nội quy, quy chế hoạt động và bầu Ban chấp hành lâm thời;
- **Bước 4:** Làm việc với các cơ quan liên quan cấp huyện, xã về thành lập và hoạt động của Chi hội nghề cá;
- **Bước 5:** Hỗ trợ công tác đăng ký pháp lý cho Chi hội, tổ chức hội nghị chính thức thành lập Chi hội nghề cá.

Sau khi thành lập, để Chi hội nghề cá hoạt động một cách ổn định và đảm bảo sự gắn bó giữa các hội viên, ngoài việc tiếp tục theo dõi và tập huấn, kiện toàn công tác tổ chức, nâng cao năng lực, dự án IMOLA còn hỗ trợ cộng đồng ngư dân trong các hoạt động thể thao, lễ hội như đua ghe, cầu ngư... Kinh nghiệm này đã nâng cao tính tập thể của người dân trong Chi hội nghề cá.

Ban đồng quản lý

Ban đồng quản lý là một thể chế gắn kết giữa cộng đồng với các đơn vị liên quan trong cơ chế đồng quản lý. Để thực hiện cơ chế đồng quản lý, dự án IMOLA tác động hình thành một Ban đồng quản lý gồm có đại diện của cộng đồng (Chi hội nghề cá), chính quyền, đoàn thể cấp xã, huyện và các thành phần công an, bộ đội. Ban đồng quản lý tổ chức họp hàng tuần. Hình thức này giúp cho các cơ quan chức năng thường xuyên nắm bắt được tình hình khai thác tài nguyên, đồng thời quản lý được các hoạt động của ngư dân trên đầm phá nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp giải quyết thích hợp. Quan trọng hơn, thông qua Ban đồng quản lý, cộng đồng mà đại diện là Chi hội nghề cá được nâng cao vai trò trong công tác quản lý, thu hút được sự hỗ trợ của chính quyền trong quản lý các vi phạm và thực hiện các xử phạt. Xây dựng Ban đồng quản lý cũng chính là một kinh nghiệm trong phát huy sự tham gia của cộng đồng mà dự án IMOLA thực hiện.

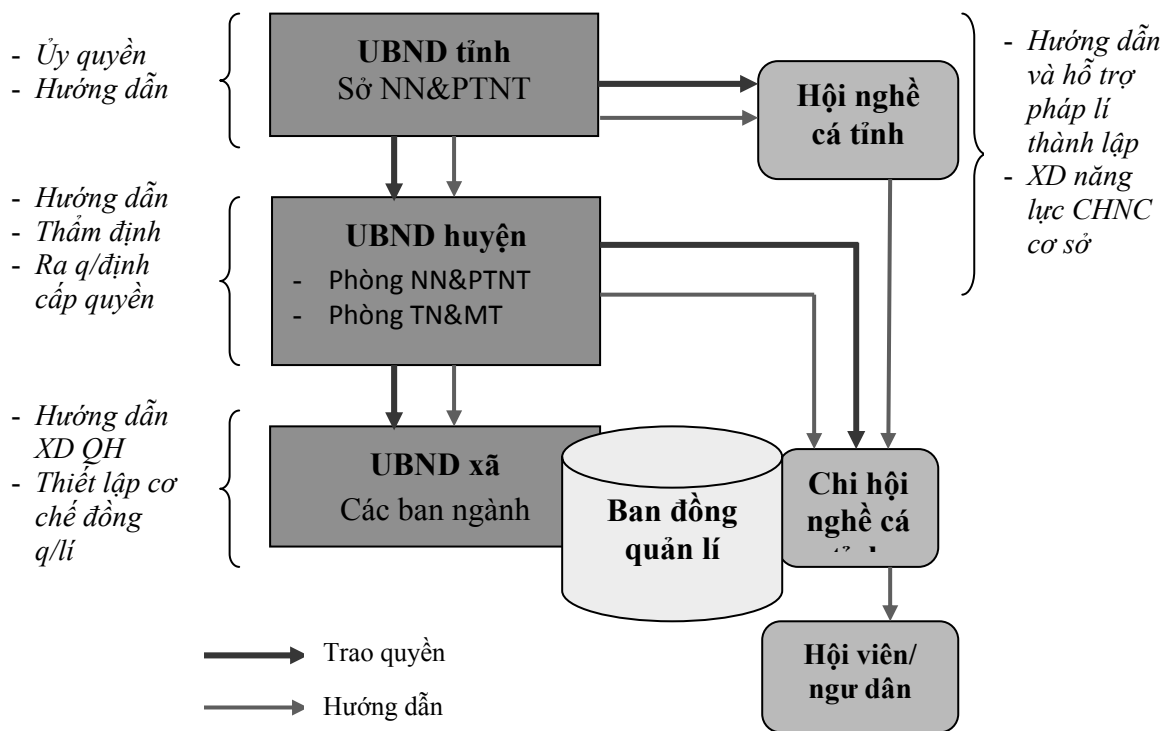
3.3.3. Vấn đề thể chế và vai trò quản lý của Nhà nước và các tác nhân liên quan trong quá trình trao quyền quản lý (quá trình phân quyền)

Tính đến tháng 3/2010, dự án IMOLA đã hỗ trợ thành lập và hoạt động cho 22 CHNC và hỗ trợ UBND huyện Phú Lộc thực hiện trao quyền khai thác thủy sản mặt nước cho các CHNC cơ sở. Gần đây nhất, **2 CHNC cơ sở đã được UBND huyện Phú Lộc trao quyền** theo Quyết

định số 371/QĐ-UBND ngày 8/3/2010 và Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 8/3/2010 của UBND huyện Phú Lộc về việc phê duyệt phương án giao quyền khai thác thủy sản vùng đầm phá cho CHNC Lộc Bình 1 và CHNC Lộc Bình 2, xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc. Đây là mô hình thực hiện trao quyền khai thác thủy sản cho tổ chức của ngư dân, thiết lập cơ chế quyền tài sản tập thể (đầy đủ cơ sở pháp lý) đối với tài nguyên thủy sản. Việc trao quyền đã chính thức hóa thực hành đồng quản lý thủy sản giữa chính quyền địa phương và tổ chức ngư dân (CHNC cơ sở). Vai trò của các cơ quan nhà nước trong tiến trình này bao gồm:

- UBND tỉnh: ủy quyền và hướng dẫn thông qua Sở NN-PTNT
- UBND huyện: hướng dẫn, thẩm định và ra quyết định cấp quyền thông qua phòng NN-PTNT và phòng Tài nguyên- Môi trường
- UBND xã: hướng dẫn xây dựng quy hoạch và thiết lập cơ chế đồng quản lý
- Hội nghề cá tỉnh: hướng dẫn và hỗ trợ pháp lý thành lập và xây dựng năng lực CHNC cơ sở.

Sơ đồ 1: Vai trò của các thể chế Nhà nước trong giao quyền quản lý và khai thác thủy sản



➤ **Tổ chức xây dựng phương án giao quyền**

Dự án IMOLA đã hỗ trợ xây dựng phương án giao quyền trên cơ sở lấy ý kiến đồng thuận của các hội viên. Nội dung quan trọng nhất trong xây dựng phương án giao quyền là thực quy hoạch chi tiết được xây dựng với vai trò tích cực của chủ thể quyền quản lý đã được xác định (CHNC cơ sở). Việc thực hiện quy hoạch chi tiết của các CHNC cơ sở phải đảm bảo tuân thủ

theo quy hoạch tổng thể vùng đầm phá⁵ của UBND tỉnh và các quy định thực hiện quy hoạch của UBND các huyện (ví dụ Kế hoạch 142/2008/KH-UBND của UBND huyện Phú Lộc về triển khai sắp xếp và chuyển đổi nghề nò sáo ở đầm Cầu Hai- huyện Phú Lộc- tỉnh Thừa Thiên Huế).

Nội dung của quy hoạch chi tiết là phân vùng và xác định ranh giới giữa các tiểu vùng theo ngành nghề. Ví dụ quy hoạch chi tiết giao quyền khai thác thủy sản vùng đầm phá xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc đã phân ra thành: (i) tiểu vùng khai thác thủy sản bằng nò sáo- ngư cụ cố định (6 tiểu vùng), (ii) tiểu vùng thủy đạo nội vùng có cho phép khai thác di động; (iii) phân vùng giao thông thủy; (iv) vùng đệm khai thác mở; (v) vùng đệm bãi giống, bãi đẻ; (vi) vùng đệm rong câu. Việc phân vùng này chủ yếu dựa vào kiến thức địa phương về tài nguyên đầm phá và hiện trạng sử dụng của cộng đồng.

Các nội dung quy hoạch được thực hiện theo phương thức thương thảo, tham vấn giữa các cấp (nhóm, thôn, xã và huyện) để xây dựng đồng thuận. Việc xác định quy mô khai thác vừa nhằm mục đích giảm quy mô khai thác để bảo vệ tài nguyên, vừa đảm bảo được sinh kế cho ngư dân. Một trong những vấn đề cần được sự đồng thuận cao của cộng đồng là:

- Xác định loại hoạt động
- Số lượng hộ tiếp cận (số hộ có liên quan)
- Quy mô ngư cụ (ví dụ số lượng nò sáo)
- Thời gian khai thác (tính mùa vụ)

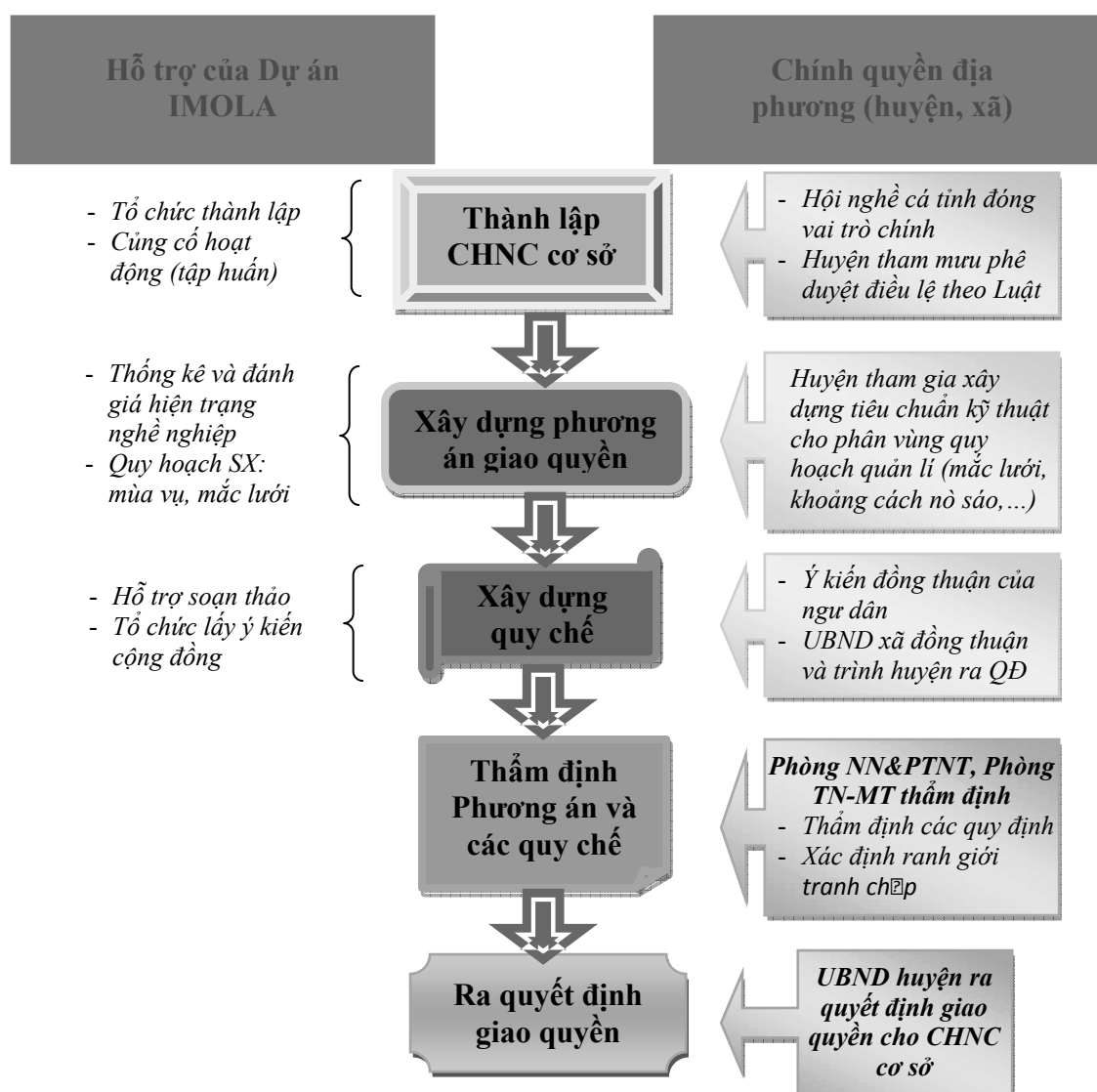
IMOLA triển khai các hoạt động khảo sát, đánh giá trong pha I

➤ *Xây dựng quy chế khai thác và bảo vệ tài nguyên cho đồng quản lí*

Việc xây dựng quy chế khai thác và bảo vệ tài nguyên cho các CHNC cơ sở được sự hỗ trợ trực tiếp của dự án INMLA và Hội nghề cá tỉnh. Việc xây dựng quy chế trên cơ sở đồng thuận của cộng đồng giúp thực hiện mục tiêu quản lí vùng ngư trường được giao, và phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.

⁵ Quyết định số 3677/QĐ-UB của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 25/10/2005 về việc phê duyệt qui hoạch tổng thể vùng khai thác mặt nước đến năm 2010

Sơ đồ 2: Tiến trình giao quyền khai thác thủy sản cho các CHNC



Có 5 nội dung được xây dựng trong quy chế bảo vệ nguồn loại thủy sản đầm phá gồm:

- *Quy định về điều kiện tham gia khai thác thủy sản:* Quy định số lượng ngư cụ và kích cỡ ngư cụ theo quy định:
 - o Số trộ nò sáo căn cứ vào số lượng phân bổ do UBND huyện thực hiện dựa trên kế hoạch của UBND tỉnh.
 - o Số hộ khai thác di động căn cứ vào số hộ hiện đang khai thác trên phá. Quy mô hay số lượng ngư cụ của hộ được duy trì hoặc giảm tùy mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ, có phân biệt hộ là thành viên hay không phải thành viên của chi hội (chủ thể được trao quyền). Ví dụ, quy định về điều kiện tham gia khai thác thủy sản của CHNC Giang Xuân-xã Vinh Giang: hộ nò sáo có khai thác di động thì số ngư cụ (40 cheo lừ và 20 tay lưới/hộ) chỉ bằng 1/2 so với hộ chuyên khai thác di động (80 cheo lừ và 40 tay lưới/hộ)
- *Quy định quản lý cho các hộ theo loại ngư cụ khác nhau:*
 - o Đối với nò sáo: quy định số lượng và vị trí đặt nò sáo của mỗi hộ, chiều dài sáo và chiều rộng miệng sáo tối đa, điều chỉnh kích cỡ mắt lưới theo quy định

- Đối với nghề lừ: quy định số lượng lừ tối đa/hộ và hộ bên ngoài xã hoặc hộ ngoài CHNC chỉ được làm tối đa bằng $\frac{1}{2}$ số lừ của các hộ chuyên di động trong CHNC; quy định địa điểm và thời gian thả lừ; quy định vị trí đặt lừ; điều chỉnh kích cỡ mắt lưới đút của lừ
- Hộ khai thác lưới: quy định số lượng tay lưới tối đa/hộ cho những hộ chuyên lưới (40 tay lưới/hộ) và hộ không chuyên lưới (tối đa 20 tay lưới dài không quá 70 m); quy định vị trí, địa điểm và thời gian đặt lưới theo quy định của từng tiểu vùng

- *Quy định về đóng phí và bảo vệ nguồn lợi:*

Phí này được đóng hàng năm và được điều chỉnh theo thông qua hội nghị CHNC hàng năm sao cho phù hợp. Các mức lệ phí đóng được quy định cụ thể cho: (i) nhóm hộ khai thác cố định: được quy định theo từng loại ngư cụ và theo từng vị trí khác nhau: ví dụ đối với nò sáo ở mức 1 (mức tốt) là 200.000 đồng/trò/năm, trong khi ở mức trung bình là 100.000 đồng/trò/năm; (ii) nhóm hộ khai thác di động: mức hộ chuyên và không chuyên, hộ ngoài xã và trong xã.

Phí bảo vệ nguồn lợi phải nộp 50% cho UBND xã và được để lại 50% cho CHNC. Việc sử dụng nguồn quỹ của CHNC phải chịu sự kiểm tra, giám sát của UBND xã và được sử dụng vào mục đích bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hỗ trợ cho quản lý và những dự phòng cho rủi ro.

- *Quy định bảo vệ trong các tiểu vùng chức năng:*

- Các tiểu vùng nò sáo: Quy định các hoạt động được phép trong các tiểu vùng; phạm vi cho các hộ khai thác di động được phép vào các lịch sáo để khai thác; khoảng cách giữa hai cánh sáo để đảm bảo cho sự lưu thông
- Các tiểu vùng thủy đạo và giao thông thủy: Cấm các nò sáo xâm lấn đường thủy đạo, đảm bảo khoảng cách nhất định theo quy định
- Các tiểu vùng đệm: Quy định cụ thể cho các tiểu vùng: (i) vùng khai thác mở: không được đặt ngư cụ cố định; (ii) vùng bãi giống bãi đẻ: quy định thời điểm không được khai thác; (iii) vùng bãi rong: cấm khai thác thủy sản trong mùa khai thác rong (vào các thời điểm cụ thể từ tháng 12 đến tháng 6 âm lịch).

- *Xử lý xung đột và xử phạt: Vai trò của các CHNC trong việc xử lý các xung đột:*

- Xem xét lại các quy định của CHNC đưa ra
- Xem xét lại quá trình vi phạm của các đối tượng
- Phải đứng trên lợi ích của cộng đồng
- Hướng đến hòa giải, thuyết phục, không để xảy ra mâu thuẫn
- Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các cam kết của các bên sau khi hòa giải
- Đề nghị các cấp xử phạt theo Nghị định 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10/2005 của Chính phủ. Những trường hợp khai thác sử dụng những ngư cụ hủy diệt bị cấm như xung điện, mìn,... thì lập biên bản và đề nghị UBND xã xem xét xử phạt hành chính theo quy định. Những trường hợp vi phạm nội quy, quy chế do CHNC đặt ra mà các hội viên đã cam kết hay được thông báo khi đanug kí nghề nghiệp sẽ bị xử lý theo quy chế của CHNC.

Xây dựng kế hoạch hành động quản lý cũng là nội dung hết sức quan trọng giúp nâng cao năng lực quản lý đảm bảo thực hiện được quy hoạch, đồng thời sử dụng và quản lý hiệu quả quyền khai thác thủy sản được giao. Một số kế hoạch hành động hàng năm đã được xây dựng cho đồng quản lý tại CHNC Giang Xuân, xã Vinh Giang gồm:

- Tổ chức đăng ký nghề và thu phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản hàng năm
- Kế hoạch khai thác thủy sản trên mặt nước đầm phá: kế hoạch sản xuất cho nghề cố định; Kế hoạch sản xuất cho nghề di động

- Kế hoạch sản xuất trên các tiểu vùng chức năng: kế hoạch khai thác rong; kế hoạch sản xuất vùng bãi giống bãi đẻ
- Kế hoạch tuyên truyền hoạt động: hình thức vận động, nội dung tuyên truyền
- Kế hoạch tuần tra bảo vệ
- Cột mốc và ranh giới

➤ *Thẩm định và ra quyết định giao quyền*

Được sự hướng dẫn của chính quyền cấp huyện về cấp quyền khai thác thủy sản, CHNC và UBND xã tiến hành lập hồ sơ đề nghị giao quyền với UBND huyện (UBND xã làm tờ trình đề nghị UBND huyện ra quyết định giao quyền).

Trên cơ sở đó, UBND huyện giao cho phòng NN&PTNT, phòng Tài nguyên- Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả làm cơ sở để UBND huyện ra quyết định cấp quyền. Nội dung thẩm định gồm các nội dung sau:

- Thẩm định tính pháp lý của các nội quy, quy định của các CHNC
- Xác định ranh giới cột mốc trên mặt nước trên đầm phá và không có gì vướng mắc, đủ cơ sở pháp lý để phục vụ công tác cấp quyền khai thác thủy sản cho các CHNC. Việc xác định ranh giới này bao gồm: đại diện các phòng NN&PTNT, Phòng Tài nguyên- Môi trường huyện; đại diện UBND xã; hội nghề cá tỉnh; CHNC cơ sở; dự án IMOLA: hỗ trợ cắm mốc trên thực địa và quản lý dữ liệu.

UBND huyện ra quyết định giao quyền cho các CHNC cơ sở nếu đảm bảo được các tiêu chí:

- Có tổ chức cộng đồng (CHNC cơ sở được thành lập)
- Ban chấp hành có năng lực hoạt động
- Có tư cách pháp nhân (con dấu)
- Có quyết định thành lập của Hội nghề cá tỉnh
- Tổ chức cộng đồng (CHNC cơ sở) phải có ít nhất 75% ngư dân trong cộng đồng tham gia
- Tổ chức cộng đồng hoạt động thường xuyên (ít nhất 3 tháng 1 lần)
- Có điều lệ và phương án hoạt động cụ thể được UBND xã phê duyệt
- Có kế hoạch phân vùng quản lý chi tiết
- Có quy chế quản lý rõ ràng, cụ thể cho từng ngành (ví dụ số lượng nò sáo)
- Có năng lực tài chính (ít nhất 5 triệu đồng) đảm bảo hoạt động

Từ mô hình thực nghiệm, Dự án đã thành công trong thể chế hoá thành thể chế quản lý địa phương, chính thức hoá quan hệ giữa nhà nước, cộng đồng, tổ chức dân sự trọng quản lý Đầm phá. Qui tắc ứng xử xây dựng trong Dự án về quản lý Đầm phá được thể chế hoá, các cơ quan nhà nước địa phương chủ động thực hiện như nhiệm vụ thường xuyên của họ.

IV. Bài học kinh nghiệm từ dự án IMOLA trong PTNT

4.1. Phương pháp quy hoạch vùng

Dự án IMOLA đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá hiện trạng tài nguyên môi trường vùng đầm phá, xây dựng các phương pháp, công cụ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên. Các nghiên cứu này có sự tham gia của địa phương, dân cư trong vùng.

Các kết quả nghiên cứu tài nguyên môi trường của dự án đã được Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở ban ngành của tỉnh tham khảo trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng đầm phá. Việc xây dựng được cơ chế hợp tác giữa dự án với các cơ

quan dịch vụ công của tỉnh trong quá trình triển khai hoạt động dự án có ý nghĩa tích cực trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định của Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai đến năm 2020”⁶.

Dự án đã cùng các cơ quan quản lý nguồn lợi thủy sản, quản lý tài nguyên của tỉnh xây dựng các công cụ, phương pháp trong giám sát quản lý tài nguyên, khai thác nguồn lợi thủy sản vùng đầm phá.

Việc áp dụng lập kế hoạch có sự tham gia trong quản lý dựa vào cộng đồng đã cải thiện chất lượng lập kế hoạch tại địa phương ở cấp xã và cấp thôn. Các thức lập kế hoạch chi tiết và tổng hợp vốn không được chú trọng theo việc lập kế hoạch tiêu chuẩn hiện nay, và chủ yếu là lập kế hoạch ngành (riêng lẻ) ví dụ như lập quy hoạch nghề cá, quy hoạch nuôi trồng thủy sản, quy hoạch du lịch... Việc lập quy hoạch/kế hoạch ngành thường được tiến hành ở cấp huyện, do đó việc lập quy hoạch ở cấp xã và thôn vẫn còn có khoảng cách. Việc áp dụng quy hoạch có sự tham gia của địa phương ở cấp độ xã và thôn cũng cho thấy nhu cầu củng cố các tổ chức người sử dụng tài nguyên và/hoặc tổ chức cộng đồng. Hoạt động này ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai cũng giúp xác định vai trò mới của các đối tác quản lý theo phương pháp từ dưới lên.

Kết quả bước đầu cho thấy đây là một hướng đi đúng, được sự ủng hộ của người dân và cơ quan chuyên môn, chính quyền các cấp. Việc dự án cùng chính quyền, dịch vụ công địa phương hợp tác triển khai các hoạt động quy hoạch, xây dựng cách thức quy hoạch mới, phương pháp mới, thể chế hoá các nội dung quy hoạch, xây dựng các công cụ hỗ trợ quản lý quy hoạch là một thành công lớn. Nội dung quy hoạch phát triển nông thôn là một nội dung cơ bản của Nghị quyết tam Nông, do đó đóng góp của dự án rất đáng ghi nhận.

Từ trước đến nay, khi nói đến qui hoạch là nhiều người nghĩ ngay đến công cụ qui hoạch như GPS, bản đồ, GIS mà hầu như ít nghĩ đến sự tham gia của các tác nhân liên quan tại địa phương trong qui hoạch. Suy cho cùng, qui hoạch là để bản đồ hoá ý tưởng, mong muốn, chiến lược hành động của các tác nhân. Từ trước đến nay, hầu như qui hoạch là thực hiện ý tưởng, chiến lược của lãnh đạo một địa phương, một ngành, qui trình qui hoạch hầu như ít tính đến ý kiến của người thực sự thực hiện qui hoạch như dân cư, doanh nghiệp. Do đó, qui trình làm qui hoạch Đầm phá với sự hỗ trợ của Dự án, đã cho thấy Tỉnh Thừa Thiên Huế đã cùng Dự án xây dựng một nguyên tắc mới, cơ sự tham gia của dân cư cả về kiến thức, quyền quyết định. Quá trình qui hoạch, xây dựng qui tắc ứng xử thực hiện qui hoạch đã được Tỉnh và Dự án thực hiện thành công, trên cơ sở chính thức hoá sự tham gia của cộng đồng.

4.2. Huy động sự tham gia của cộng đồng

Dự án IMOLA đã xây dựng cơ chế đồng quản lý thông qua các Chi hội nghề cá để thực hiện mục tiêu quản lý bền vững nguồn tài nguyên đầm phá. Chi hội nghề cá là một tổ chức của cộng đồng, thực hiện thay một số nhiệm vụ của Nhà nước về dịch vụ công trong quản lý tài nguyên mà Nhà nước thực hiện không có hiệu quả.

Nhờ có tác động của dự án, cộng đồng dân cư nông thôn khu vực đầm phá được tổ chức lại, cùng thực hiện những nguyên tắc chung của cộng đồng nhằm tránh những tổn thất và nguy cơ hiện hữu do cách khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản theo cơ chế mở lâu nay vẫn

⁶ Quyết định số 1955/QĐ-TTg ngày 27/11/2009

thực hiện. Từ những hộ ngư dân đơn lẻ, việc liên kết lại đã phát huy hiệu quả không chỉ trong quản lý tài nguyên mà còn đảm bảo bền vững về mặt kinh tế-xã hội. Kết quả này cho thấy cách tiếp cận và hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với những mục tiêu và nhiệm vụ do Nghị quyết Tam Nông đặt ra.

Với sự ủng hộ của lãnh đạo Tỉnh Thừa Thiên Huế, Dự án đang xây dựng một mô hình phát triển nông thôn theo hướng dựa vào cộng đồng, đáp ứng chủ trương xây dựng mô hình nông thôn mới mà hiện nay Ban bí thư đang chỉ đạo triển khai thí điểm phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia.

Những bài học kinh nghiệm, những công cụ kỹ thuật từ dự án IMOLA về xây dựng cơ chế đồng quản lý, phát triển các tổ chức dân sự, phát huy sự tham gia của cộng đồng, quy hoạch lãnh thổ sẽ phục vụ tốt cho việc xây dựng các chính sách cụ thể thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Tam nông.

4.3. Phát triển thể chế thông qua quá trình phân quyền

Cách tiếp cận đồng quản lý của dự án IMOLA đã huy động được sự tham gia chủ động, tích cực của các cơ quan Nhà nước địa phương, các tổ chức dịch vụ công địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức ngư dân và các bên liên quan.

Dự án đã hỗ trợ các cơ quan nhà nước ngày càng nâng cao trách nhiệm quản lý và đóng vai trò trong việc tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động đầm phá. Sự gia tăng của các hình thức khai thác hủy diệt trên khu vực đầm phá đã giảm, do dự án thông qua cơ quan dịch vụ công địa phương hỗ trợ công đồng quản lý bằng cách xây dựng và ban bố các quy định và quy chế trong tiếp cận, sử dụng tài nguyên.

Dự án đã giúp địa phương xây dựng những cơ chế mới, thể chế mới để giúp người sử dụng nguồn lợi được tham gia nhiều hơn trong quá trình quản lý, được nâng cao vai trò trong việc xác định các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sử dụng nguồn lợi và đưa ra các quyết định quản lý liên quan.

Dự án đã hỗ trợ thành lập và hoạt động mô hình phát triển cộng đồng, những công cụ, phương pháp triển khai rất có ý nghĩa cho các hoạt động phát triển nông thôn của Chính phủ. Thông qua trợ giúp 22 Chi hội nghề cá cơ sở, xúc tiến hỗ trợ công tác trao quyền khai thác thủy sản, mặt nước, dự án phối hợp với chính quyền địa phương đã hình thành mô hình thực tiễn thực hiện trao quyền khai thác thủy sản cho tổ chức của ngư dân, thiết lập cơ chế quyền tài sản tập thể (đầy đủ cơ sở pháp lý) đối với tài nguyên thủy sản.

Các quy định truyền thống của cộng đồng đã được lồng ghép vào quy chế của tập thể, tổ chức và chính quyền thừa nhận (UBND xã xác nhận) là cơ sở pháp lý tốt đảm bảo sự công bằng và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên.

V. Kinh nghiệm của dự án IMOLA và Nghị quyết Tam nông

5.1. Sự phù hợp của IMOLA với nhu cầu và chính sách địa phương

- Phù hợp với nhu cầu khai thác và quản lý đầm phá: trước thực trạng suy thoái môi trường, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, sinh kế thiếu bền vững của cộng đồng, mục tiêu giải quyết các vấn đề đầm phá của dự án IMOLA cũng chính là nhu cầu bức thiết của tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh đó, năm 2005, dự án IMOLA bắt đầu được triển khai cũng đồng

thời là thời điểm UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định về quy chế khai thác và quản lý tài nguyên đầm phá. Việc ban hành Quyết định 1955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ‘Phát triển kinh tế xã hội vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020’ sẽ tạo môi trường tích cực và thuận lợi hơn cho hoạt động của dự án trong giai đoạn mở rộng tiếp theo.

- Cách tiếp cận của dự án phù hợp với điều kiện thực tế: dự án tiếp cận hướng vào cộng đồng, những người có lợi ích trực tiếp từ tài nguyên đầm phá đồng thời cũng là đối tượng có thể thực hiện thay thế nhà nước một phần trong chức năng quản lý. Trong điều kiện thực tế địa phương không có đủ khả năng quản lý đầy đủ các hoạt động trên đầm phá, phương thức trao quyền quản lý cho cộng đồng thông qua cơ chế đồng quản lý là cách tiếp cận hoàn toàn phù hợp.
- Xây dựng tổ chức của cộng đồng (Chi hội nghề cá) là biện pháp phù hợp với mục tiêu giao quyền quản lý cho cộng đồng mà UBND tỉnh xác định. Trước đây trong mô hình cũ, chính quyền cơ sở là đơn vị quản lý tài nguyên, thu phí sử dụng tài nguyên. Nhưng thực tế các vi phạm và khai thác trái phép, mâu thuẫn luôn xảy ra và có xu hướng ngày càng tăng. Bằng việc xây dựng Chi hội nghề cá, nhà nước có một tổ chức thể chế của cộng đồng có thể đảm nhận việc trao quyền.
- Cách tác động của dự án đóng góp đáng kể cho việc thực thi chính sách của chính quyền tỉnh. Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND cho phép UBND huyện quyền trao quyền quản lý tài nguyên đầm phá cho Chi hội nghề cá. Để thực hiện được việc này, dự án IMOLA triển khai hàng loạt các tác động trong nâng cao nhận thức cộng đồng, thành lập Chi hội nghề cá, xây dựng bản đồ phân vùng, xây dựng quy chế quản lý tài nguyên, hồ sơ hoạt động, hình thành Ban đồng quản lý... Chính những tác động của dự án đã giúp cho địa phương có thể nhìn thấy trực tiếp những công việc cần làm để thực thi Quyết định 4260 của tỉnh trong thời gian về sau.

5.2. Hiệu quả đạt được của dự án

- Phạm vi tác động đủ tính đại diện để có thể nhân rộng: trong số 54 Chi hội nghề cá tại khu vực đầm phá có tới 22 Chi hội được dự án IMOLA tác động. Các Chi hội phân bố ở các xã mang tính đại diện cho các đặc thù khác nhau ở đầm phá (đặc thù kỹ thuật như khai thác cố định, khai thác di động; đặc thù dân cư như dân cư ven thị trấn hoặc dân cư xa khu trung tâm; đặc thù địa bàn như chi hội thuộc phá Tam Giang, chi hội thuộc đầm Cầu Hai...);
- Cải thiện và tăng cường hiệu quả quản lý tài nguyên: với việc phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng trong cơ chế đồng quản lý, tại các địa bàn có Chi hội nghề cá công tác quản lý và khai thác tài nguyên đã được tổ chức lại. Một mặt người dân nhận thức được vấn đề và hợp tác chặt chẽ trong môi trường chung, mặt khác chính quyền địa phương giảm nhẹ được những khó khăn trong công tác quản lý;
- Cộng đồng được tổ chức tốt thông qua Chi hội nghề cá, một tổ chức xã hội dân sự nghề nghiệp có thể thực hiện một số vai trò của nhà nước trong quản lý tài nguyên. Các xung đột giảm đáng kể so với trước khi có Chi hội (90 – 95%), các nghề khai thác hủy diệt hoặc các vi phạm, xâm lấn khu vực của nhau cũng giảm đáng kể;

- Đời sống người dân ổn định và có hiệu quả hơn: so với khi chưa có cơ chế đồng quản lý, theo đánh giá của UBND huyện Phú Lộc, năng suất đánh bắt của người dân tăng 20 – 30%. Theo người dân xã Vinh Hiền (huyện Phú Lộc), mặc dù phạm vi đánh bắt và các ngư cụ sử dụng bị giới hạn, song phương án tổ chức quản lý mới vẫn giúp nâng cao năng suất nhờ nguồn tài nguyên được phục hồi, tình trạng dịch bệnh giảm;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ công: các quy định của nhà nước được phổ biến đến tất cả cộng đồng, hệ thống giao thông đường thủy thông thoáng, tài nguyên được bảo vệ và khai thác hợp lý.

5.3. Sự phù hợp của dự án với Nghị quyết Tam nông

Tiếp cận của Dự án mang tính tổng hợp, bắt đầu bằng việc nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật, tạo ra thông tin về đặc điểm môi trường và tài nguyên của đầm phá, để cung cấp cho chính quyền và người dân hiểu được sự cần thiết bảo vệ và quản lý đầm phá. Dự án đã góp phần tạo ra thông tin để người dân tham gia vào thảo luận cùng chính quyền, tạo ra một quá trình đối thoại trong nông thôn, để xây dựng nguyên tắc ứng xử mới trong quản lý đầm phá. Người dân đã thực sự coi mình là chủ thể của đầm phá, cùng chính quyền xây dựng qui chế và tham gia đồng quản lý. Đây là điểm mấu chốt, Dự án đã thành công đưa người dân trở thành chủ thể trong xây dựng nông thôn như quan điểm Nghị quyết Tam nông. Điểm nổi bật của Dự án, là đã tạo ra cơ chế mới trong quan hệ giữa Nhà nước, cộng đồng, tổ chức dân sự trong quản lý, phát triển nông thôn. Cơ chế này có được tạo ra theo chiều ngang giữa nhà nước và tư nhân, cộng đồng, và cả theo chiều dọc giữa các cơ quan hành chính các cấp trong tỉnh.

Những kết quả đạt được như đã phân tích ở trên cho thấy sự phù hợp của dự án IMOLA so với các nhiệm vụ đặt ra trong Nghị quyết Tam nông:

- Phù hợp với nhiệm vụ 2 về quy hoạch nông thôn, gắn với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường;
- Phù hợp với nhiệm vụ 3 về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn, đặc biệt ở các vùng khó khăn;
- Phù hợp với nhiệm vụ 4 về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất mới có hiệu quả;
- Phù hợp với nhiệm vụ 6 và 7 về đổi mới cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị.

5.4. Các kinh nghiệm của dự án đối với phát triển cộng đồng

Dự án IMOLA đã đem lại nhiều kinh nghiệm cho phát triển nông thôn dựa vào cộng đồng, đặc biệt ở các vùng mà tài nguyên là một nguồn lợi dùng chung, gắn liền với sinh kế của người dân. Việt Nam có gần 1 triệu km² diện tích khai thác thủy sản, 3/4 diện tích cả nước là vùng đồi núi với nguồn tài nguyên cơ bản là rừng. Đời sống dân cư nông thôn nhiều nơi tại các khu vực này phụ thuộc phần lớn vào những gì họ có thể khai thác từ tự nhiên. Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý là đòi hỏi tất yếu. Kinh nghiệm của dự án IMOLA công tác quy hoạch quản lý tài nguyên đầm phá cơ chế đồng quản lý có thể đóng góp nhiều bài học cho phát triển nông thôn dựa vào cộng đồng tại các khu vực này. Từ kết quả nghiên cứu dự án IMOLA, một số kinh nghiệm có thể đóng góp cho xây dựng chính sách là:

- o Kinh nghiệm xây dựng thông tin làm năng động hoá cộng đồng, tạo ra cho cộng đồng chủ đề thảo luận, bàn bạc và xác định vấn đề để tạo ra sự đồng thuận nhằm xây dựng giải

pháp. Dự án Imola đã đánh giá nguồn lợi tài nguyên, tình trạng môi trường và nghiên cứu cơ chế cân bằng sinh thái để phục vụ công tác quy hoạch và tổ chức khai thác nguồn lợi (công nghệ GIS), thông tin này đã được dùng để tạo ra sự quan tâm, thúc đẩy thảo luận giữa nhà nước, cộng đồng, giúp cộng đồng hiểu nguy cơ cạn kiệt nguồn lợi từ chính những thực hành của họ tổng sản xuất.

- Kinh nghiệm phổ biến thông tin nâng cao nhận thức cho người dân và các cộng đồng nông thôn về các nguy cơ suy thoái, tạo ra sự đồng thuận cao trong cộng đồng, làm cơ sở xây dựng qui chế ứng xử, tổ chức thể chế quản lý đầm phá.
- Kinh nghiệm phát huy nguồn lực cộng đồng; xây dựng tổ chức nông dân; Kinh nghiệm xây dựng cơ chế đồng quản lý; Kinh nghiệm này cho thấy, nội lực cộng đồng không chỉ về tài chính, mà là kiến thức, sự đoàn kết, hay nói cách khác là vốn xã hội đã được khai thác rất tốt trong Dự án này.
- Kinh nghiệm quy hoạch và quản lý sản xuất có sự tham gia của cộng đồng là một đóng góp cho xây dựng nông thôn mới, đảm bảo cho sự minh bạch, kiến thức cộng đồng được sử dụng, việc quản lý qui hoạch sau này sẽ dễ dàng hơn do có sự đồng thuận của cộng đồng.
- Kinh nghiệm xây dựng chính sách liên quan đến phân quyền, thực hiện dịch vụ công và xã hội hoá rất quý báu cho các cơ quan nhà nước trong tận dụng các dự án quốc tế trong phát triển kinh tế xã hội. Việc này cho thấy, nhà nước cấp tỉnh có thể uỷ quyền cho cộng đồng và cấp huyện, xã quản lý nông thôn, cơ quan cấp tỉnh đóng vai trò giám sát và hỗ trợ.

PHỤ LỤC

A - Các cuộc thảo luận với tác nhân địa phương

1. Thảo luận với Ban quản lý và cán bộ dự án

(các ngày 4/3, 5/3, 11/3, 19/4)

(Người trả lời phỏng vấn: Baku Takahashi và nhóm cán bộ dự án)

- Dự án IMOLA triển khai qua 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 điều tra, khảo sát tổng thể, xây dựng bản đồ.
- Bản đồ trực quan giúp người dân thấy rõ thực trạng khai thác thủy sản tại đầm phá ra sao, từ đó dễ thay đổi được nhận thức của họ hơn
- Dự án IMOLA tập trung hỗ trợ 5 xã ở Cầu Hai (14 Chi hội nghề cá) và 3 xã ở Tam Giang (8 Chi hội nghề cá)
- IMOLA không đầu tư mà chỉ có các hỗ trợ nhỏ, các hoạt động tạo quỹ thông qua quyền đánh bắt, tạo sự gắn bó cộng đồng thông qua các hoạt động văn hoá, thể thao, lễ hội
- Trong kế hoạch triển khai tiếp theo, IMOLA tiếp tục hỗ trợ các xã khác cũng như tiếp tục củng cố các Chi hội nghề cá, xây dựng ban đồng quản lý
- Trong tổng số 54 CHNC, IMOLA hỗ trợ 22. Các dự án khác chỉ hỗ trợ 2-5 CHNC.
- Cơ cấu tổ chức của dự án: Ban giám đốc, Cố vấn trưởng, Điều phối viên, Trợ lý, nhóm KTXH, nhóm Tài nguyên (trong pha 1 còn có nhóm tập huấn, nay nhập vào nhóm KTXH)
- Bối cảnh ban đầu khi chưa triển khai IMOLA: đầm phá ở tình trạng “cha chung không ai khóc”, trách nhiệm quản lý không rõ ràng, không của riêng ai. Việc khai thác tiến hành bừa bãi dẫn đến huỷ hoại môi trường
- Năm 2005, UBND tỉnh ra quyết định 4260, dựa trên Luật Thủy sản, giao cho cấp huyện quyền trao quyền quản lý mặt nước cho cộng đồng.
- Bên cạnh những đánh giá của địa phương kèm theo văn bản quy định mới thì còn có những nghiên cứu, đánh giá của các tổ chức quốc tế về thực trạng đầm phá TGCH
- CHNC trước đây: năng lực không có, hoạt động theo phong trào, không có quy định, không có năng lực; CHNC hiện nay: trở thành một tổ chức KTXH nghề nghiệp, được trao quyền khai thác, quản lý mặt nước, một tổ chức tương trợ, tự nguyện, như một cánh tay nối dài của xã.
- Xây dựng cơ chế đồng quản lý: không hề dễ dàng nhưng làm được sẽ quản lý bền vững tài nguyên đầm phá. Công tác vận động người dân khó, phải họp nhiều mới thay đổi nhận thức của họ. Tần suất họp: họp CHNC 1-2 tháng 1 lần; họp BQL 1-2 cuộc/tuần.
- Nguồn quỹ cho hoạt động của CHNC: làm kinh tế và thu phí từ fishing right
- IMOLA đã giúp nâng cao nhận thức cho người dân, phát huy sự tham gia của cộng đồng, giúp tham gia vào cơ chế đồng quản lý với chính quyền.
- Ở xã Vinh Hiền có 3 CHNC: 1 chi hội tổng hợp, 1 chi hội nuôi cá lồng, 1 chi hội đánh bắt. Địa phương đang thúc đẩy trao quyền cho các chi hội
- Đặc điểm của Vinh Hiền là có nhiều ngành nghề, sát cửa Tư Hiền, nhiều vấn đề phức tạp (nhiều nghề di động, khó quản lý hơn nơi khác, dân cư khai thác khắp nơi, sắp xếp nò sáo không đơn giản do người dân ở đây còn kiêm nhiều nghề buôn bán, họ có nhận thức cao và tính đấu tranh vì mưu sinh cao hơn). Tác động ở đây khó hơn nơi khác nhưng IMOLA muốn thực hiện vì nó có vị trí quan trọng.
- Dự án đã họp nhiều buổi, thương thảo nhiều buổi ở Vinh Hiền hơn so với nơi khác. Nơi khác chính quyền nói thì người ta chấp hành nhưng ở Vinh Hiền chưa chắc vì họ có phản ứng để bảo vệ quyền lợi. Thực ra nguyện vọng của người dân cũng là chính đáng.
- Dự án tác động làm việc với tỉnh, huyện, lập ban đồng quản lý nhằm giải quyết mọi khúc mắc. Ban đồng quản lý họp 1 lần/tháng, đột xuất có thể họp với nhau bất kỳ lúc nào.

- Để nhân rộng, tỉnh cần thành lập Ban quản lý cấp tỉnh về đồng quản lý, sẽ giúp việc thực hiện đồng quản lý thuận lợi hơn, có cơ chế rõ ràng hơn. Đồng quản lý sẽ giúp thay đổi nhận thức của người dân, giúp CHNC trở thành tổ chức thực sự của cộng đồng, phát triển bền vững, trở thành cánh tay nối dài của chính quyền, ổn định sinh kế.
- So sánh giữa CHNC với HTX:

CHNC	HTX
Lãi chia đều	Làm dịch vụ thu phí
Tổ chức xã hội dân sự nghề nghiệp	Tổ chức kinh tế
Nghị định 88	Luật HTX
Bao trùm cả cộng đồng để hỗ trợ, tương trợ lẫn nhau	Kết nạp khi góp vốn, cổ phần. Cũng có lúc vì cộng đồng có lúc không. VD: Lộ Bình không kết nạp 30 hộ xiếc điện → tự do → khai thác hủy diệt → không tối ưu
Vận động cộng đồng để chia sẻ quyền lợi	Có lợi thế hơn trong làm ăn kinh doanh, tiếp cận vốn

- Nói chung hành lang pháp lý hỗ trợ cho tổ chức cộng đồng như CHNC còn thiếu, khiến cho cơ chế đồng quản lý khó thực hiện. Chi hội cũng cần có những cơ chế hỗ trợ như HTX thì có thể phát triển mạnh mẽ hơn.
- Trong xây dựng quy hoạch, sắp xếp ngư cụ... IMOLA xác định phải có sự tham gia của cộng đồng, họ có kiến thức bản địa, có sự tực giác. Đây là cách tiếp cận mới mà ít nơi làm.
- Việc trao quyền: chọn CHNC là hình thức phù hợp vì tính chia sẻ cao hơn. Còn HTX không mang tính cộng đồng rộng rãi, không bao trùm được hết cộng đồng.
- Quan điểm của IMOLA là làm sao quản lý được tài nguyên tốt nhất, thực hiện chính sách tốt nhất, điều đó đòi hỏi phát huy vai trò tham gia của cộng đồng.
- Vấn đề hiện nay đang quan tâm: giảm nợ sáo không song song với tạo nghề
- Năm 2010, IMOLA thúc đẩy quá trình trao quyền nhưng cũng lưu tâm đến các ảnh hưởng, không thể đại trà.

2. Thảo luận với Hội nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế

Thời gian: ngày 5/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: ông Hiền (Chủ tịch Hội nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Hội nghề cá tỉnh thành lập tháng 7/2003. Từ khi hoạt động đến nay đã qua 2 đại hội. Đại hội thành lập (ĐH nhiệm kỳ I) năm 2003 và Đại hội đánh giá 5 năm hoạt động (ĐH nhiệm kỳ II) năm 2009
- Dự án IMOLA bắt đầu triển khai từ năm 2005, hiện đang thực hiện pha 2. Pha 1 dự án nghiên cứu tổng thể, pha 2 đi sâu vào các giải pháp quản lý đằm phá.
- Hội nghề cá tỉnh có 56 chi hội cơ sở, trong đó có 7 chi hội vùng biển và 49 chi hội vùng đằm phá. Trong 49 chi hội vùng đằm phá có thể chia thành các hình thức khác nhau: chi hội NTTS, chi hội đánh bắt thủy sản, chi hội vừa NTTS vừa đánh bắt, chi hội NTTS, đánh bắt và dịch vụ. Tổng số hội viên các chi hội hiện nay khoảng 4000 người
- Quyết định 4260 của UBND tỉnh là hậu thuẫn rất tốt cho sự tham gia của cộng đồng, cho phát triển sản xuất và công tác quản lý

- IMOLA hỗ trợ 5 xã ở huyện Phú Lộc với 13 CHNC; 1 xã ở huyện Quảng Điền với 4 CHNC và 2 xã ở huyện Hương Trà với 5 CHNC. Tổng cộng 22 CHNC được IMOLA hỗ trợ
- Ngoài dự án IMOLA còn có một số dự án khác cũng hỗ trợ xây dựng đồng quản lý ở đầm phá như Tổ chức Bắc Âu (NAV) hỗ trợ 5 CHNC ở huyện Quảng Điền; dự án tài nguyên dùng chung CPR; dự án của trường ĐHKHXHNV và dự án của Hội nghề cá tính phối hợp với cơ quan khác.
- Trước đây khi chưa có CHNC, trên địa bàn tỉnh có 37 HTX Thủy sản nhưng làm ăn không hiệu quả, nay còn 6 HTX mà thực chất chỉ có 1 HTX hoạt động. Trước đây cũng có trên 50 tổ đội hoạt động thủy sản nhưng không có cơ sở pháp lý.
- CHNC ra đời có vai trò hỗ trợ phát triển sản xuất một cách thực sự cho 4000 hội viên, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường.
- IMOLA có cách làm bài bản, giúp cộng đồng tham gia có hiệu quả. Tác động của dự án vừa nhắm đến cộng đồng, vừa làm việc với các cấp chính quyền liên quan và các cơ quan chức năng. Do vậy được sự ủng hộ cao, dự án đi đúng hướng.
- Đánh giá:
 - o IMOLA phát huy được vai trò của cộng đồng, giải quyết vấn đề sinh kế, đưa ngành nghề mới về cho dân để giải quyết việc làm lúc lao động dôi dư
 - o IMOLA thực hiện được công tác quy hoạch thông qua cộng đồng, sắp xếp lại ngư cụ, phân vùng khai thác
 - o IMOLA tổ chức được ngư dân dưới hình thức CHNC để phát huy vai trò tham gia của cộng đồng
 - o IMOLA liên kết được cộng đồng với chính quyền thông qua hình thức đồng quản lý
- Đề nghị:
 - o Cần có những giải pháp tiếp theo để duy trì hoạt động bền vững
 - o Cần phối hợp nhiều hơn nữa với các cơ quan chuyên môn
 - o Quan tâm hơn đến vấn đề quản lý, đào tạo nâng cao năng lực
 - o Bên cạnh mặt nhân rộng, nên chọn ra một số mô hình trình diễn để đi sâu, đạt được kết quả đích thực làm mục tiêu phấn đấu cho các huyện, xã khác

3. Làm việc tại Chi cục nuôi trồng thủy sản

Thời gian: ngày 5/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: chị Hồng (Chi cục trưởng Chi cục NTTS)

- IMOLA pha 1 tập trung vào 2 nội dung quan trọng:
 - o Tập huấn theo Nghị định 61 của chính phủ: mỗi xã cử 1 cán bộ kỹ thuật phụ trách 1 nhóm hộ ngư dân, vừa hướng dẫn vừa theo dõi. Mỗi tháng cán bộ Chi cục về xã làm việc 3-4 ngày. Từ việc nâng cao năng lực những ngư dân chủ chốt, họ sẽ hướng dẫn những người khác, tạo nên sức lan toả. Quan trọng ở công tác tập huấn là đã thực hiện theo phương pháp cầm tay chỉ việc, theo dõi chặt chẽ.
 - o Sử dụng công nghệ GPS để sắp xếp lại nò sáo, giúp cho việc thông thoáng luồng lạch, thuyết phục được dân một cách trực quan, từ đó dễ thành lập các tổ tự quản, tình làng nghĩa xóm được tăng cường.
- IMOLA pha 2 tiếp tục phát huy kết quả giai đoạn 1, bổ sung thêm công tác quy hoạch, giúp các địa phương nắm chắc tình hình ao hồ. Các CHNC quản lý được phạm vi của mình
- Trung tâm Khuyến nông cung cấp cán bộ kỹ thuật phối hợp với Chi cục. 1 cán bộ kỹ thuật phụ trách 1 xã, 1 tuần ở xã 4 ngày. Do đó nắm được thời gian biểu của dân, sản phẩm của

- dân được sản xuất như thế nào, sử dụng như thế nào, có gì khó khăn, bất hợp lý, nắm được mối quan hệ cộng đồng, công tác tổ chức sản xuất.
- IMOLA còn giúp đỡ phương pháp sử dụng số liệu, báo cáo thông qua các lớp tập huấn. Nếu không có IMOLA thì địa phương cũng phải làm và làm được nhưng rất thủ công, chậm, dễ bỏ sót (còn IMOLA sử dụng KHKT, áp dụng kinh nghiệm và công nghệ mới)
 - Cơ chế đồng quản lý được xây dựng dựa trên việc giao quyền quản lý mặt nước cho người dân. Hiện nay 2 xã ở Phú Lộc đã được trao quyền.
 - Quá trình để huyện trao quyền khá phức tạp, nó đòi hỏi CHNC phải hoạt động như thế nào, thành viên ra sao, phương thức quản lý mặt nước thế nào... IMOLA đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo để thảo luận, tìm ra giải pháp.
 - Khi được trao quyền quản lý mặt nước, CHNC không được bán, không được cho thuê quyền đó.
 - Dự án IMOLA đóng vai trò mở đường. Tuy nhiên hạn chế của dự án là đặt ra mục tiêu, khối lượng công việc lớn quá, trong khi lực lượng cán bộ mỏng và chỉ thực hiện trong một vài năm.
 - Hoạt động của các CHNC có nhiều phương thức khác nhau: góp vốn rồi cho vay, cùng nhau mua máy móc làm thức ăn cung cấp cho nhau... Tuy vậy còn nhiều CHNC hoạt động yếu, thành lập theo phong trào.
 - Đề xuất: sinh kế là vấn đề cốt lõi để phát triển bền vững, muốn thực hiện phải liên kết cộng đồng bằng những gì họ có thể gắn kết với nhau: thị trường, con giống, vốn.
 - IMOLA cần tạo ra mô hình mẫu.

4. Làm việc tại UBND huyện Phú Lộc

Thời gian: ngày 9/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: ông Hà (Phó Chủ tịch UBND huyện Phú Lộc)

- Huyện Phú Lộc ưu tiên phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp. Nông nghiệp trong đó có cả thủy sản là ưu tiên 3.
- Tổng dân số huyện là 153.000 người, có 16 xã và 2 thị trấn
- Trong số 18 đơn vị hành chính thì 11 xã ở khu vực đầm phá. Tổng diện tích đầm phá thuộc huyện Phú Lộc là 11.000.000 ha (chiếm 50% tổng diện tích hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai).
- Huyện có nhiều tiềm năng đất đai và phát triển du lịch dịch vụ nhờ các điểm du lịch như Bạch Mã, Lăng Cô, Cảnh Dương. Nông nghiệp dựa nhiều vào rừng.
- Trước đây các nò sáo phát triển rộ trên đầm phá, gây ô nhiễm môi trường. Tổng số trộ nò sáo trên 800, nay còn khoảng 700, hướng tới còn 350.
- Nhờ dự án IMOLA giai đoạn 1, thời gian 2007 – 2008, đã giải toả 92 trộ để thông luồng lạch ven bờ và sắp xếp lại 707 trộ, tính tương đương giảm cường lực khai thác xuống 33%.
- Mặc dù giảm trộ nò sáo nhưng năng suất và hiệu quả khai thác thủy sản lại lớn hơn và rõ hơn. Môi trường cũng trở nên thông thoáng.
- Dự án IMOLA đã tập huấn kỹ thuật, tuyên truyền vận động, xây dựng danh sách hộ khai thác, đánh giá hiện trạng, định vị, quy hoạch... Các hoạt động đồng bộ của dự án đã đem lại thành công.
- Hiện nay dự án chuẩn bị bước sang giai đoạn 2. Phía huyện đang tích cực triển khai các hoạt động phối hợp, chống tái phát lại tình trạng đã giải toả nhưng quay lại làm.
- Trong huyện có 12 CHNC, có tác động tích cực, như cánh tay nối dài hỗ trợ cho chính quyền trong công tác quản lý.

- Huyện đang tiến hành giao mặt nước cho các CHNC. Ở đây phải nhấn mạnh vai trò hỗ trợ của dự án IMOLA trong việc tư vấn xây dựng quy chế quản lý cho chi hội. Huyện thấy an tâm và có cơ sở trao quyền.
- Về mặt cộng đồng, hỗ trợ của dự án đã giúp người dân tăng cường quyền tự chủ và công bằng trong hưởng lợi.
- Tuy nhiên hiện nay mới chỉ có một số địa phương như xã Vinh Giang, xã Lộc Bình là được trao quyền quản lý mặt nước, xác định được rõ ranh giới giữa các chi hội.
- Giai đoạn 2, bên cạnh việc giảm số lượng nò sáo, việc sắp xếp lại cũng rất cần thiết vì liên quan nhiều đến đời sống dân sinh của các hộ sống ở đầm phá. Huyện cũng lồng ghép các chương trình dự án khác, trong giai đoạn 2008 – 2009 đã di dời, tái định cư, đưa 450 hộ lên bờ, có nhà cửa ổn định, tới đây sẽ tổng kết chương trình.
- Về xây dựng nông thôn mới, huyện chọn xã Vinh Hưng và đang triển khai thống kê các xã theo 19 tiêu chí nông thôn mới.
- Vai trò của IMOLA rất rõ rệt: trước đây thiếu quản lý, phân vùng không rõ ràng. IMOLA đã nâng cao nhận thức của người dân, tập huấn, tuyên truyền, phân vùng, tư vấn quá trình trao quyền.
- Đặc thù của hoạt động khai thác thủy sản là hay tiến hành vào ban đêm, công tác quản lý khó khăn, nhờ thành lập CHNC thì chính bản thân họ có thể tự quản lý vì quyền lợi của họ. Nhờ tổ chức CHNC, các xung đột giảm, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết.

5. Làm việc tại xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc

Thời gian: ngày 9/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: ông Vịnh (Phó chủ tịch UBND xã Lộc Bình) và Ban chấp hành các CHNC ở xã Lộc Bình

- Xã Lộc Bình có diện tích mặt nước đầm phá rộng. Trên mặt nước có các nghề như nò sáo, chuôm...
- Trước đây việc khai thác tài nguyên là khai thác chung, cùng với dân trí thấp nên khai thác bừa bãi, tự ý lấn chiếm, phá hoại môi trường, không đóng lệ phí quản lý khó khăn.
- Chi hội nghề cá hay tổ sản xuất không hình thành.
- Theo đề án của tỉnh, tại xã có nhiều hộ có nhiều trụ sáo thì phải giảm. Tuy nhiên đời sống người dân hầu như phải dựa hết vào nò sáo, nếu dẹp thì dân bị thất thu. Đây là trăn trở lớn của Đảng và chính quyền xã, cần làm công tác tư tưởng mạnh để dân hiểu.
- Trong dân cũng xảy ra nhiều tranh chấp vì sợ mất quyền lợi, gồm cả xô xát giữa dân và cán bộ.
- Xã đã tổ chức họp, thông qua Hội phụ nữ để tuyên truyền vấn đề môi sinh, môi trường để dần dần chị em nâng cao nhận thức. Vì vậy sau khi sắp xếp lại nò sáo số lượng xô xát giảm.
- Nhờ sự quan tâm của dự án IMOLA (định vị, cắm mốc cho người dân bằng các công cụ trực quan) nên nhận thức của dân được tăng cường. Ví dụ, trong quy định phân vùng chừa ra các khu bãi giống, bãi đẻ. Ai khai thác sẽ bị phạt. Vừa qua đã có 3 vụ xử phạt, CHNC báo cáo với chính quyền xã.
- Người thực hiện tuân tra được trích 50% kinh phí hỗ trợ.
- Dự án IMOLA có tác động mạnh về giao quyền: thủ tục, các bước, hồ sơ... giúp CHNC và xã trình lên huyện và các thủ tục sau đó.
- Ban đồng quản lý có PCT UBND xã làm trưởng ban, thành phần ban gồm có công an, xã đội, HND, HPN, CHNC.
- Hướng tới giai đoạn 2: giảm 1/2 số nò sáo.

- Để tạo điều kiện cho các CHNC hoạt động, xã sẽ bàn việc thu phí tài nguyên. VD các nghề sáo, đáy, chuôm sẽ thu phí, sau đó trích 30 - 50% cho CHNC do CHNC chưa có kinh phí hoạt động.
- Tác động của dự án IMOLA về trên việc thay đổi nhận thức, vừa về kế hoạch, pháp lý (tổ chức). Dự án đang là pha 2. Khi dự án rút, xã có trách nhiệm hỗ trợ cùng các ngành liên quan khác.
- Khó khăn: điều kiện của xã khó đa dạng trong ngành nghề, khi giảm 50% số thợ sáo, người dân không biết chuyển đổi như thế nào. (sắp xếp thì dễ nhưng chuyển đổi thì khó)
- Trước đây vào năm 2003 trên địa bàn xã có 1 CHNC do tỉnh thành lập. CHNC này có điều lệ, nội quy quản lý đơn giản, chưa chú ý đến môi trường.
- Khi có IMOLA, dự án xác định tổ chức phải có người quản lý, sau đó hỗ trợ nhân rộng thêm 2 CHNC, có đầy đủ Ban chấp hành. Nội dung hoạt động làm sâu hơn về vấn đề quản lý, khai thác, đa dạng ngành nghề.
- Trong quá trình hình thành cũng vướng không ít khó khăn: dân thắc mắc, không đóng hội phí, có phản ứng, nhiều ý kiến phá ngang. Vì thế phải huy động các đoàn thể tích cực đến vận động.
- CHNC Lộc Bình 1: trăn trở làm thế nào để nâng cao thu nhập. Trước tiên đòi hỏi Ban chấp hành chi hội phải có năng lực và tâm huyết. Kiến nghị: các nhà quản lý nguồn lợi thủy sản đôi lúc chưa hiểu sâu về nghề nên ra quy định thiếu hợp lý, nếu cho phép mất lưới nhỏ thì sẽ tổ chức được kinh tế tập thể.
- Tỉnh, huyện có văn bản về nò sáo nhưng không có bản đồ, có nhiều bất cập. Dự án IMOLA: đi sâu vào điều tra, định vị, bản đồ, đo đạc cho các thành viên đến xem để đạt được sự thống nhất.
- Do đó, trước đây xã có 160 nò sáo, nay giảm còn 114 thợ. Trong quyết định cũng chủ trương ghi rõ một thợ nò sáo/1 hộ gia đình.
- Xã ra khỏi diện xã nghèo từ năm 2007. Nay toàn xã có 18,3% hộ nghèo. Thu nhập bình quân đầu người 453.000 đồng/người/tháng.

6. Làm việc tại xã Quảng Công

Thời gian: ngày 10/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: anh Sỹ (UBND xã), BCH các CHNC

- Dự án IMOLA đã thúc đẩy, hỗ trợ thành lập 4 CHNC, hỗ trợ kinh phí, phân chia luồng lạch, giúp các chi hội tự quản lý để bảo vệ môi trường sinh thái.
- Dự án tập huấn, tác động nâng cao nhận thức, giới thiệu các quy định.
- Quảng Công là xã đi đầu về NTTS, những năm đầu phát triển mạnh nhưng thiếu tính quy hoạch, hệ thống quy hoạch không đảm bảo, ách tắc dòng nước. Nhờ tác động của IMOLA, các CHNC có tinh tổ chức hơn, kỹ thuật nuôi trồng đánh bắt và phòng trừ dịch bệnh tốt hơn, tạo điều kiện cho người dân có ý thức cộng đồng.
- CHNC Cao Triều: chia thành 4 tổ tự quản
- CHNC Thành Đạt: gồm 3 nhóm NTTS và 1 nhóm khai thác
- Các CHNC đều mong muốn được trao quyền khai thác, đánh bắt thủy sản
- Các CHNC đều gặp khó khăn trong quản lý vì thiếu phương tiện, không giám sát và xử phạt được những người ở nơi khác đến khai thác, đánh bắt bằng xung điện (do CHNC chưa được trao quyền quản lý mặt nước).
- Đặc điểm xã Quảng Công: 6.640 khẩu, 1.343 hộ. 1/2 vùng biển, 1/2 vùng nội địa. Thủy sản chiếm 58% trong cơ cấu GDP xã, thu nhập bình quân 9,2 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo 20%. Có 50% số hộ sử dụng nước sạch. Vốn vay NHCS không đang kể, giờ ai cũng đang nợ do đồ bệ vụ tôm (giá giảm, dịch bệnh)

- Năm 2000: 120 – 125.000 đồng/kg tôm, năm 2009 chưa tới 90.000 đồng/kg. Thị trường hiện nay khó khăn, môi trường sản xuất ô nhiễm, dịch bệnh. Bà con muốn áp dụng nuôi nước sạch nhưng kinh phí cao quá.

7. Làm việc tại xã Hải Dương

Thời gian: ngày 10/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: 3 CHNC

- Xã Hải Dương có diện tích 1.029 ha, dân số 7.500 người, 1.500 hộ. Diện tích NTTS 78 ha, mặt nước chưa sử dụng 150 ha, diện tích đất nông nghiệp 56 ha, còn lại phổ biến là đất đồi, đất rừng và hơn 1 nửa diện tích là đất cát.
- Tỷ lệ hộ nghèo: 12% (157 hộ)
- Thu nhập bình quân đầu người: 6,3 triệu
- Khó khăn: nghề đánh bắt, NTTS gặp vấn đề ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, nguồn lợi ngày càng cạn kiệt do khai thác tự do, không có quy hoạch.
- Nhờ có dự án IMOLA tập huấn nhiều, nâng cao nhận thức, tổ chức phương thức đồng quản lý nên hoạt động đi vào nề nếp, dịch bệnh ít xảy ra.
- CHNC Thượng Tây: trước khai thác tự phát dẫn đến ô nhiễm, chính quyền không đủ sức quản lý, cộng đồng thiếu đoàn kết. Khi tỉnh có văn bản thành lập CHNC (một tổ chức xã hội nghề nghiệp), chi hội Thượng Tây được thành lập để giúp nhau làm ăn, chia sẻ lẫn nhau và kết hợp với chính quyền các cấp trong đồng quản lý để tự bảo vệ nguồn lợi của mình. Đặc biệt là nhờ có sự giúp đỡ của dự án IMOLA trong tập huấn, tổ chức, nâng cao nhận thức. Năm 2007 số hội viên là 65, nay đã tăng lên 103. Chi hội hoạt động trên cơ sở hội phí của hội viên, vấn đề là hội viên không đóng đủ, ban quản lý chưa có hướng giải quyết.
- Các nghề của Thượng Tây gồm: đày, rờ, lưới bện, lừ và NTTS (tôm, cá). Chi hội mong muốn năm 2010 được trao quyền quản lý mặt nước. Hiện nay do chưa có quyền đó nên thành viên chưa nhiệt tình. Khi có tiền, có quỹ thì hoạt động sẽ tốt hơn.
- Chi hội Thượng Tây họp toàn thể 1 năm 1 lần, Ban quản lý họp 1 tháng 1 lần
- Chi hội Vĩnh Trị (thôn Vĩnh Trị): thành lập năm 2008, chuẩn bị tiến hành đại hội 1 năm. Hoạt động của chi hội: NTTS, khai thác, đánh bắt.
- Tổng diện tích mặt nước 40 ha, 54 hội viên.
- Tình trạng: người địa phương khác đến đánh bắt huỷ diệt bằng xung điện. Xã không quản lý được, CHNC có tổ tuần tra bảo vệ báo cáo với xã nhưng khó xử lý vì chưa có quyền quản lý mặt nước.
- Tỉnh hội và huyện chuẩn bị phân chia ranh giới các chi hội.
- Ban quản lý không có lương, chỉ có hỗ trợ của dự án IMOLA cho Chủ tịch 200.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch 100.000 đồng/tháng
- IMOLA có vai trò bảo vệ môi trường, sắp tới sắp xếp lại các ngành nghề để sớm có quyền quản lý.
- Vấn đề khó khăn là nghề nghiệp của dân sau khi sắp xếp lại.
- Chi hội Hương Giang: ra đời từ 15/11/2006 nhưng đến 15/11/2007 mới đại hội chính thức thành lập
- Thành viên trong chi hội Hương Giang bắt đầu NTTS (cá lồng) từ năm 2004. Được IMOLA hỗ trợ thành lập chi hội đầu tiên của xã, vào chi hội nhận thức của bà con thay đổi tích cực dần, chia sẻ lẫn nhau.
- Hiện chi hội có 61 thành viên. Vừa qua ương cá chép bị chết nhiều, 51 hộ thiệt hại với tổng số tiền khoảng 400 triệu đồng

- Đề xuất: muốn được tập huấn nghề nuôi cá chép, được hỗ trợ tư vấn kiểm định nguyên nhân cá chết, vấn đề bảo hiểm, kiểm dịch giống
- Chi hội Vĩnh Trị đã họp với xã, với dân, tiến hành phân vùng cơ bản và có các quy chế.
- Quyết định mới về công tác tuần tra, trách nhiệm các cá nhân, phương tiện, kinh phí là những bước đầu được đa số ủng hộ nhưng thực hiện còn hạn chế do chưa được trao quyền quản lý mặt nước.

8. Làm việc với ông Trương Văn Tuyển (Đại học Nông Lâm Huế)

- Dự án được hỗ trợ bởi IDRC.
- Thực ra đã có từ lâu mô hình đồng quản lý thủy sản quy mô nhỏ. Việc trao quyền quản lý mặt nước được nhiều bên quan tâm. Tỉnh cũng đã có chủ trương thể hiện trong quyết định 4260.
- Việc trao quyền cho CHNC hiện nay mới đang là thí điểm, sau 1 năm dự án của trường thực hiện tại xã Vinh Giang đã rút ra nhiều bài học tích cực. Tiếp sau các hoạt động của trường cũng có các dự án khác trong đó có IMOLA, FSPS.
- Trao quyền cần sự tham gia của UBND xã, Phòng NN huyện, Phòng TNMT huyện, UBND huyện, CHNC.
- Dự kiến năm nay CPS sẽ tiếp tục tác động tại 3 xã gồm Phú Mỹ, Vinh Phú (huyện Phú Vang) và Hương Phong (huyện Hương Trà). Quá trình triển khai sẽ mời các cơ quan khác phối hợp.
- Đồng thời dự án cũng quan tâm nhiều đến kết quả ở Vinh Giang. Kết quả thử nghiệm rất quan trọng cần được kiểm định, không thể nhân rộng tràn lan.
- Nếu có sự phối hợp của Viện Chính sách trong tổng kết thì 2 nội dung cần quan tâm:
- Khả năng thực thi mô hình đến đâu, làm thế nào để áp dụng nhân rộng ra được
- Sau khi phi tập trung hoá: sản phẩm và kết quả đến đâu, cần phối hợp và làm sáng tỏ hơn
- Hiện ở Thừa Thiên Huế có 3 nhóm hướng đến mô hình đồng quản lý thủy sản của Đại học Nông Lâm kết hợp với IDRC; dự án IMOLA và dự án FSPS.
- Phương thức chung đều hướng đến thúc đẩy hình thành cơ chế đồng quản lý nhưng mỗi dự án đều có đặc thù riêng và tiến độ khác nhau.
- So sánh 3 dự án:

FSPS	IMOLA	Đại học Nông lâm
Chia hoạt động thành các gói tư vấn nên công tác quản lý từng gói chặt chẽ. Tuy nhiên hoạt động cộng đồng cần tạo ra sự gắn kết giữa các hợp phần	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch dự án có, toàn diện, gắn kết. - Hoạt động rộng do là dự án phát triển (không phải thí điểm) - Tính chuyên nghiệp về phương pháp cộng đồng chưa sâu. Thường quan tâm nhiều đến giải quyết nhận thức, thái độ, công bằng... Nhiều nội dung làm thay cho cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến độ rõ hơn - Vẫn hỗ trợ nhưng không trả thù lao cán bộ CHNC, chỉ hỗ trợ tùy theo công việc - Gắn kết cộng đồng

- Khi quan tâm đến đàm phán, về mặt chính sách cần điều phối sự kết hợp giữa các cơ quan địa phương. Dự án IMOLA làm từ lâu nhưng chưa thực sự đến được việc trao quyền
- Mô hình đồng quản lý: dự án của ĐHNL cung cấp được cho cộng đồng biết cần phải làm gì.

- Công tác trao quyền không đơn giản: huyện quan tâm không nhiều, chần chừ, thậm chí có người cho rằng không cần thiết hoặc thấy khó khăn. Phía Chi cục cũng phân vân. Trong công tác tổ chức đang thiếu vắng điều gì đó mà cơ quan chức năng các cấp chưa có cơ sở để thực hiện.
- Đánh giá mô hình đầm phá: cần nhiều thời gian hơn mới đánh giá được.
- Vương mắc: xây dựng hồ sơ phải hoàn chỉnh, kín kẽ, xác định đúng ranh giới và tính công bằng... thì mới trao quyền được.
- Tính mới: trước đây là tiếp cận mở, tài nguyên thuộc quyền tài sản nhà nước. Nay là tài sản của một tổ chức, là một cơ chế quyền tài sản mới. Trước có thay đổi là giao đất, giao rừng cho hộ nhưng hệ sinh thái rừng vẫn bị phá. Cơ chế ở đầm phá đảm bảo xác định được chủ thể có trách nhiệm, vừa không là tiếp cận mở, vừa không mang tính cá nhân
- Thẩm định hồ sơ: quy hoạch đưa ra phải phù hợp với quy hoạch tổng thể, khi không có gì sai khác thì huyện mới dám ra quyết định trao quyền.
- Việc phân vùng ranh giới: IMOLA định vị theo hộ, khó cập nhật. Dự án của ĐHNL định vị theo tiểu vùng, việc giảm nò sáo giao cho cộng đồng làm. Việc phân vùng, định vị ranh giới nhờ có cộng đồng mà làm được. Vai trò của cộng đồng rất lớn, xã có giám sát thì cộng đồng vẫn là quan trọng..
- Khả năng thực thi mô hình của ĐHNL: còn nhân rộng ra 3 xã nữa. Dự án của trường là dự án trong nước. Công tác điều tra, đo đạc, sắp xếp, tập huấn kỹ thuật, thành lập CHNC, phân vùng lãnh thổ... đều thực hiện. Việc phân vùng dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng và có tổng kết rút kinh nghiệm (trong hợp hành xảy ra mâu thuẫn như thế nào, hợp cộng đồng bao lâu một lần).
- Các bước tiến hành dự án của ĐHNL: phác thảo, nêu thực trạng (quy hoạch như thế nào); định vị, cắm mốc; xây dựng bản đồ và tư liệu hoá; họp (cộng đồng, xã, huyện) thảo luận về quy hoạch và đồng quản lý. Trong họp về đồng quản lý làm rõ ai được làm ở tiểu vùng nào, nhất là vùng khai thác di động phải ra phương thức thuyết phục thì mới đạt được sự đồng thuận. Trong các quy định cũng làm rõ cả phạm vi khoảng cách giữa khai thác di động với các nò sáo.

9. Làm việc tại xã Vinh Hưng (huyện Phú Lộc)

Thời gian: ngày 12/3/2010

Trả lời phỏng vấn: PCT UBND xã Vinh Hưng

- Vinh Hưng là xã đồng bằng thuộc huyện Phú Lộc, có diện tích 1.606 ha, người dân chủ yếu sống bằng nghề nông, TTCN và dịch vụ. Trong nghề nông thì NTTS đóng vai trò quan trọng, nhất là nuôi tôm sú hiện đang phát triển 350 ha (sản xuất nông nghiệp chỉ 100 ha).
- Xã được chọn làm thí điểm mô hình nông thôn mới đại diện cho huyện Phú Lộc. Xã đang thành lập tổ công tác để khảo sát, điều tra, nắm lại tất cả các chỉ tiêu theo 19 tiêu chí nông thôn mới.
- Tổng dân số của xã là 8.674 khẩu với 1860 hộ.
- Số lao động đi làm ở địa phương khác khoảng 1.500 người, ở địa phương có khoảng 4.000 lao động. Trong đó 80% làm các nghề liên quan đến thủy sản, số hộ thuần nông chỉ chiếm khoảng 20%.
- Dự án IMOLA đã hỗ trợ khảo sát, điều tra giai đoạn 2 tất cả các hộ nuôi tôm trên vùng đầm phá.
- Ở Vinh Hưng chưa có CHNC thành lập, trong năm 2010 mong muốn có chương trình dự án hỗ trợ thành lập, gắn đánh bắt với NTTS. Trong xã có 2 HTX, nếu thành lập CHNC cũng cần xem xét mối quan hệ ảnh hưởng với HTX như thế nào. Hiện NTTS đang giao

cho 2 HTX là Bách Thắng (85 ha) và Đại Thắng (265 ha). CHNC là tổ chức nghề nghiệp, còn HTX hoạt động như một doanh nghiệp dịch vụ.

- Trong HTX có tổ tự quản NTTS để quản lý vấn đề dịch bệnh và thời vụ (cho riêng thủy sản), ngoài ra còn có các đội sản xuất tại các thôn, bao quát cả các mảng nông nghiệp khác
- Dự án IMOLA: trước đây có tập huấn vài đợt 1 năm chủ yếu về nuôi tôm, sau đó tiến hành quy hoạch đã tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc.
- Trên địa bàn xã còn có sự hỗ trợ của dự án Roxa Luxembourg, chủ yếu hỗ trợ vật chất.
- Để đảm bảo sinh kế cho người dân đầm phá, thứ nhất cần thay đổi tập quán canh tác trong cả nông nghiệp và NTTS; thứ hai cần đảm bảo hạ tầng phát triển, cải tạo hệ thống đường giao thông nông thôn; thứ ba cần đảm bảo nguồn giống và thị trường tiêu thụ. Ở Vinh Hưng chủ yếu nuôi tôm theo dạng tự cung tự cấp, manh mún, nhỏ, áp dụng KHKT không chuẩn, nhận thức của người dân trong sản xuất còn hạn chế.
- Xã Vinh Hưng có 535 ha mặt nước, trước có 38 trệ sáo nay đã giải toả 18 (do vi phạm các quy chuẩn).

10. Làm việc tại CHNC Giang Xuân (thuộc xã Vinh Giang)

Thời gian: ngày 12/3/2010

Người trả lời phỏng vấn: ông Khoai (Chi hội trưởng kiêm Trưởng thôn); ông Quyên (Chi hội phó)

- Thôn Giang Xuân có từ trước năm 1975. Từ sau năm 1975 trong xã Vinh Giang chỉ có thôn Giang Xuân là có nghề khai thác. Từ 1993, người dân trong thôn tiếp thu kinh nghiệm từ huyện Phú Vang và Quảng Điền về NTTS, toàn xã có 20 hộ NTTS.
- Năm 1994, Bộ NN&PTNT xây dựng mô hình phát triển thủy sản, dân nuôi tôm sú kéo theo hơn 44 hộ tham gia, được nhà nước cho vay 100 triệu trong 3 năm không tính lãi.
- Thấy nghề NTTS phát triển, số lượng người nuôi tăng. Năm 2004 quá tải, dẫn đến nước ăn, thuốc xử lý gây nhiễm bệnh, ảnh hưởng tới NTTS. Nước thải thải ra đến cửa Tư Hiền lại bị nước biển cuốn dạt lại, độ pH lên đến 9,5, tôm cá chết hàng loạt, 4h sáng là trông thấy nổi lênh bênh trên mặt nước. (giai đoạn 2004 – 2006)
- IMOLA hỗ trợ tập huấn nuôi xen ghép tôm, cá.
- CHNC Giang Xuân gồm 88 hộ tham gia NTTS 88 ha (tổng số dân của thôn là 193 hộ, trong đó 126 hộ chuyên đánh bắt NTTS, còn lại là các hộ buôn bán, già cả, neo đơn.
- Tháng 3/2008 cán bộ ĐHNL về nắm lại tiểu sử phát triển, nguyên nhân hình thành các khu đánh bắt, NTTS. Dự án mời cả người cao tuổi đến hội thảo nhiều lần nhằm cung cấp thông tin: diện tích, số lượng khai thác, quá trình phát triển các nghề từ trước đến nay.
- Năm 2008 thôn có 112 trệ sáo, nay còn 89 trệ. Nguyên nhân giảm số lượng trệ sáo là do từ năm 2007 nghề lừ phát triển bắt đầu từ huyện Phú Vang.
- ĐHNL mỗi tháng về một lần thực hiện nhiều công việc như thu thập số liệu, làm các thủ tục, hồ sơ, họp xã lấy ý kiến... Quá trình này đã bầu ra được BCH của CHNC gồm 90 hội viên. Ngày 11/7/2008 CHNC Giang Xuân chính thức ra mắt, BCH gồm 7 thành viên, chia làm 3 phân hội, được Tỉnh hội cấp quyết định chính thức.
- 3 phân hội gồm: phân hội chuyên NTTS; phân hội đánh bắt, khai thác cố định; phân hội khai thác di động (lừ, lưới bạc...)
- Hiện có 87 hội viên tham gia. Được ĐHNL tập huấn 6 lớp về: kỹ năng khai thác và bảo vệ đầm phá; kỹ năng quản lý cộng đồng; phòng tránh rủi ro; tập huấn kỹ thuật
- ĐHNL cũng hỗ trợ xây dựng quy chế, được giao quyền quản lý mặt nước từ ngày 15/5/2009. Trong nội dung được giao, hộ nào cũng có trệ sáo (không giảm số lượng trệ sáo mà chỉ giảm quy mô)

- Chi hội cũng được hỗ trợ 2 triệu tiền bố trí văn phòng, sổ sách. Các hội viên cũng đóng góp 100.000 đồng/người xây dựng hội trường thôn, được ĐHNL hỗ trợ 10 triệu mua sắm trang thiết bị bàn ghế máy móc.
- Từ khi có chi hội, các xung đột giảm, an ninh đảm phá đảm bảo, cách phân bổ ổn định hơn, giữa các nghề lừ, sáo, lưới bạc không có xung đột. Các hội viên hầu hết đều chấp hành quy chế hoạt động của CHNC.
- Quy chế của chi hội: ghi rõ hồ sơ hội viên (nghề nghiệp, phạm vi...), quy chế xử lý vi phạm (CHNC có thể xử phạt trong phạm vi từ 100.000 – 200.000 đồng, các mức cao hơn xã sẽ xử lý).
- Lệ phí đảm phá: sử dụng để bồi dưỡng lại cho anh em tuần tra ngoài đảm phá. Nghề lừ: thu 10.000 đồng/tháng. Các khoản thu chi hội nộp cho xã 50%, còn lại sử dụng trong CHNC.
- Năm ngoái đã 16 lần tuần tra, bắt được 8 vụ. Người khác xã: phải nộp phạt, người trong xã: động viên.
- Ban đồng quản lý gồm 7 người: Chủ tịch xã, trưởng Công an xã, cán bộ nông ngư, xã đội, hội ND, hội PN, CHNC (Chi hội trưởng, phó).
- Ban ĐQL họp 2 lần 1 tháng với nội dung nhắc nhở bà con thực hiện các nội dung và quy chế hoạt động, thảo luận vấn đề sản xuất NTTS và đánh bắt, vấn đề quản lý bãi giống bãi đẻ.
- Quy trình thành lập CHNC Giang Xuân:
 - o Bước 1: trường ĐHNL về cùng dân đo đạc, định vị mặt nước, các trộ sáo...
 - o Bước 2: bàn ý tưởng 6 buổi với những người sáng lập, người cao tuổi, họp đại diện chi bộ, công an viên, phụ nữ, thanh niên, nông dân, cựu chiến binh, trưởng thôn... bàn vấn đề thành lập CHNC
 - o Bước 3: đưa vấn đề ra thảo luận với dân, trường ĐHNL về phổ biến các nội dung thành lập CHNC, kinh nghiệm các nơi, sự cần thiết phải thành lập...
 - o Bước 4: bàn thành lập Ban chấp hành lâm thời. Trước khi bầu ra được BCH, trường ĐHNL còn có những buổi trao đổi với UBND xã, chi bộ thôn, các tổ sản xuất
 - o Bước 5: tập huấn kỹ thuật cho dân về đánh bắt, NTTS, vừa nâng cao kỹ năng vừa nâng cao nhận thức
 - o Bước 6: thảo luận quy chế CHNC
 - o Bước 7: họp BCN, thảo luận chi tiết quy chế, tổ chức, việc cấp thẻ...
 - o Bước 8: đưa lên xã, huyện duyệt quy chế, danh sách hội viên, quy định mặt lưới, điều lệ và phương án hoạt động...
 - o Bước 9: đại hội chính thức thành lập
- Tiêu chí hội viên: vận động làm ăn có nề nếp, trước đây có 92 hội viên nay đã tăng lên thành 126 hội viên. Hội viên vào chi hội phải phù hợp với quy chế, không lừ, không sáo
- Thù lao BCH: không đáng kể, nguồn từ 50% lệ phí sáo và bán rong câu, mỗi tháng khoảng 50.000 đồng, nói chung không đủ cả tiền xăng
- Thu của chi hội: lệ phí sáo, rong câu, lừ; Chi của chi hội: phụ cấp BCH, công tuần tra, tiền chè nước hội họp

11. Làm việc tại xã Quảng Công

Thời gian: ngày 19/4/2010

Người trả lời phỏng vấn: Chủ tịch xã

- Từ năm 1989 NTTS bắt đầu phát triển trên địa bàn xã. Giai đoạn 1990 – 1992 cho đến nay đã phát triển trên 168 ha vùng NTTS

- Việc quản lý trước đây thông qua thu thuế nhưng khoảng 10 năm nay nhà nước bỏ thuế thì việc quản lý đằm phá trở nên khó khăn
- Nghề lưới bắt hợp lý, cản trở lưu thông. Việc quy hoạch chưa đến đâu, luồng lạch cấp thoát nước không đảm bảo. Dịch bệnh xảy ra, đi lại khó khăn.
- 3-4 năm trở lại đây nhờ có dự án IMOLA, xã Quảng Công được chọn, công tác quản lý được dự án tư vấn thực hiện tốt hơn.
- Dự án đã tác động:
 - o Nâng cao nhận thức của dân qua tập huấn, tư vấn
 - o Hỗ trợ thành lập CHNC để tham gia quản lý giúp UBND xã
 - o Tạo điều kiện phân vùng cho các CHNC
- Nhờ thành lập các CHNC: mọi thứ được quản lý tốt hơn, giảm tranh chấp và xung đột. Khi CHNC có quỹ thì họ sẽ chuyên tâm hơn.
- Dự án IMOLA còn hỗ trợ các hội thi, xây dựng quy chế giúp CHNC hoạt động đúng tâm tư, nguyện vọng của dân.
- Công tác quản lý, năng lực điều hành của lãnh đạo CHNC cũng được nâng cao nhờ dự án.
- Các trang thiết bị cần thiết cũng được đầu tư, qua đó gắn kết cộng đồng. Một số chi phí hội họp, tổng kết, sơ kết cũng hỗ trợ.
- Để phát triển và ổn định:
 - o Trung ương hỗ trợ cơ chế phát huy lợi thế đằm phá
 - o Giải toả, sắp xếp mạnh mẽ hơn nữa. Xây dựng các vùng bãi giống, bãi đẻ nếu không nguồn giống sẽ cạn kiệt và đi tới huỷ diệt
 - o Nhà nước có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề ổn định cho dân, nhất là những hộ phải chuyển đổi sau khi sắp xếp
 - o Phải tăng cường nhân lực, tăng tính đồng thuận

B - Danh sách phỏng vấn PRA

1. Danh sách cán bộ, đoàn thể

STT	Họ tên	Chức vụ	Xã	Huyện
1	Trần Thị Tâm	CT HPN xã	Hải Dương	Hương Trà
2	Phạm Văn Hoan	Trưởng CA	Hải Dương	Hương Trà
3	Lê Thới	CT HND	Hải Dương	Hương Trà
4	Nguyễn Đông	CT MTTQ	Hải Dương	Hương Trà
5	Lê Xuân Hương	CT Hội CCB	Hải Dương	Hương Trà
6	Lê Duận	Bí thư xã	Quảng Công	Quảng Điền
7	Dương Thị Chi	CT HPN xã	Quảng Công	Quảng Điền
8	Nguyễn Ngọc Long	PCT HND	Quảng Công	Quảng Điền
9	Nguyễn Ngọc Phi	Trưởng CA	Quảng Công	Quảng Điền
10	Võ Khánh	CT MTTQ	Quảng Công	Quảng Điền
11	Hoàng Xuân Lưới	Phó Bí thư	Quảng Công	Quảng Điền
12	Huỳnh Thị Hiền	CT HPN xã	Vinh Hiền	Phú Lộc
13	Hà Quốc Toàn	CT Hội CCB	Vinh Hiền	Phú Lộc
14	Đào Đồi	CT HND	Vinh Hiền	Phú Lộc
15	Trương Hoàng	PCT UBND	Vinh Hiền	Phú Lộc
16	Nguyễn Văn Hạnh	Trưởng CA	Vinh Hiền	Phú Lộc

2. Danh sách hộ thành viên Chi hội Nghề cá

STT	Họ tên	Xã	Chi hội
1	Dương Kôn	Quảng Công	Thành Đạt
2	La Văn Tùng	Quảng Công	Thành Tiến
3	Phan Viết Dũng	Quảng Công	Thành Tiến
4	Lê Hường	Quảng Công	Thành Nhất
5	Võ Mai	Quảng Công	Thành Đạt
6	Hồ Công Mậu	Quảng Công	Thành Nhất
7	Lê Công Sơn	Quảng Công	Thành Nhất
8	Phan Hoà	Quảng Công	Thành Nhất
9	Nguyễn Thành	Quảng Công	Thành Tiến
10	Ngô Văn Dũng	Quảng Công	Thành Đạt
11	Nguyễn Ngọc Cường	Quảng Công	thôn 7
12	Lê Loan	Quảng Công	Thành Đạt
13	Võ Lai Sinh	Quảng Công	Cao triều
14	Nguyễn Văn Diệm	Quảng Công	thôn 2
15	Trần Văn Sự	Quảng Công	thôn 2
16	Dương Văn Oanh	Quảng Công	Cao triều
17	Trần Quốc Huyền	Quảng Công	Cao triều
18	Huỳnh Kiện	Quảng Công	Cao triều
19	Nguyễn Bon	Quảng Công	Thành Đạt
20	Hà Công Định	Quảng Công	Thành Nhất
21	Lê Công Lý	Quảng Công	Thành Đạt
22	Nguyễn Trung	Quảng Công	Cao triều
23	Nguyễn Thi	Quảng Công	Cao triều
24	Lê Văn Hạp	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
25	Phan Cẩm	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
26	Công Xự	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
27	Phan Chuối	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
28	Nguyễn Phảnh	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
29	Đào Duy Trai	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
30	Phan Thái	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
31	Nguyễn Hữu Nam	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
32	Hà Công	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
33	Phạm Thế Phương	Hải Dương	Thôn Thượng Tây
34	Phan Nam	Hải Dương	Thôn Thượng Tây
35	Huỳnh Thất	Hải Dương	Thôn Thượng Tây
36	Võ Văn Năm	Hải Dương	Thôn Thượng Tây
37	Nguyễn Văn Thọ	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
38	La Mạnh	Hải Dương	Hương Giang
39	Phan Hạnh	Hải Dương	Hương Giang

40	Đỗ Xuân Hằng	Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị
41	Phan Lâm	Hải Dương	Hương Giang
42	Dương Văn Nghĩa	Hải Dương	Hương Giang

C – Một số dữ liệu sơ bộ từ kết quả phỏng vấn PRA

1. Thực trạng quản lý tài nguyên và hoạt động khai thác, NTTS tại địa phương 3 năm trước đây

	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Đánh bắt bừa bãi, không có quản lý	9	56.25
Nguồn lợi thủy sản cạn kiệt	11	68.75
Môi trường ô nhiễm	13	81.25
Xung đột, tranh chấp	6	37.50
Giao thông đường thủy khó khăn	9	56.25
Đời sống ngư dân không ổn định	7	43.75

2. Mục đích thành lập Chi hội nghề cá	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Trao đổi kinh nghiệm trong đánh bắt, NTTS	15	93.75
Tổ chức khai thác hợp lý khu vực đầm phá	13	81.25
Quản lý hoạt động đánh bắt, NTTS	11	68.75
Bảo vệ môi trường sinh thái	13	81.25
Thu phí tài nguyên theo uỷ quyền của nhà nước	7	43.75

3. Nguyên tắc đồng quản lý đang thực hiện tại địa phương	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Chỉ có nhà nước quản lý	4	25.00
Cộng đồng quản lý	3	18.75
Chính quyền và chi hội cùng quản lý	15	93.75

4. Quy định trong thực hiện đồng quản lý (số người trả lời: 14)	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Hoạt động nuôi trồng, đánh bắt phải đăng ký	11	78.57
Lệ phí phải nộp trong hoạt động đánh bắt, NTTS	7	50.00
Không được đánh bắt sang khu vực của chi hội khác	10	71.43
Tổ chức tuần tra, kiểm tra hoạt động đánh bắt	13	92.86

5. Người dân tham gia thảo luận trong quá trình xây dựng CHNC và quy chế đồng quản lý	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Thảo luận xây dựng bản đồ quy hoạch đánh bắt, NTTS	12	75.00
Thảo luận hoạt động sắp xếp, quản lý nò sáo, ngư cụ khác	14	87.50
Thảo luận mức phí môi trường phải nộp cho nhà nước	7	43.75
Thảo luận và xây dựng quy chế quản lý của các chi hội	15	93.75

6. Dự án IMOLA đã hỗ trợ và phối hợp với xã triển khai hoạt động gì tại địa phương?	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Xây dựng bản đồ quy hoạch vùng đánh bắt, NTTS	14	87.5
Đào tạo, tập huấn kỹ thuật đánh bắt, NTTS cho người dân	14	87.5
Đào tạo nghề cho người dân trong xã	8	50
Cho vay vốn sản xuất	4	25
Đầu tư trang thiết bị, ngư cụ đánh bắt, NTTS cho CHNC	6	37.5
Hỗ trợ triển khai các phong trào VSMT	13	81.25
Hỗ trợ triển khai các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao	3	18.75
Đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông nông thôn	2	12.5
Xây dựng CHNC	13	81.25
Xây dựng phương án trao quyền quản lý	9	56.25
Xây dựng quy chế đồng quản lý	10	62.5
Tư vấn, hỗ trợ quá trình thực hiện quy chế đồng quản lý	12	75

7. Thay đổi sau khi quy hoạch	Đồng ý	Tỷ lệ % đồng ý
Môi trường nước trong sạch hơn	16	100
Môi trường nước ô nhiễm hơn	0	0
Số lượng tôm/cá nhiều hơn	12	75
Số lượng tôm/cá ít đi	4	25
Hoạt động đánh bắt dễ dàng hơn	13	81.25
Hoạt động giao thông thuận lợi hơn	13	81.25
Xung đột tăng lên	0	0
Xung đột giảm đi	16	100

8. Số lượng ngư cụ	Đơn vị tính	Quảng Công	Hải Dương
Nò sáo	trộ	5	1
Lừ	cái	203	80
Nghề đáy	miếng	0	27
Rớ bà	cái	0	0
Lưới kéo	tay	2	0
Chuôm	trộ	1	3
Thuyền	cái	2	12
Câu tay	cái	0	0
Lồng cá	cái	3	45
Ao cao triều	m2	31000	14500
Ao thấp triều	m2	90800	57160

D – Kết quả dự án so với Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

#	Tên tiêu chí	Hoạt động của IMOLA	Kết quả của IMOLA
---	--------------	---------------------	-------------------

1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch ngư cụ khai thác cố định - Quản lý khai thác thủy sản di động và vấn đề giải quyết xung đột - Phân vùng quy hoạch NTTS 	Phân vùng quy hoạch chi tiết trong các tiểu vùng đầm phá và các hoạt động triển khai thực hiện QH
2	Giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp nò sáo - Xác định ranh giới quản lý - Xác định chủ thể giao quyền 	Khởi thông luồng lạch, giao thông thủy khu vực đầm phá thông thoáng
10	Nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ chuyển đổi nghề - Tổ chức, sắp xếp ngư cụ, quy hoạch vùng nuôi và vùng khai thác 	Thu nhập của ngư dân được cải thiện nhờ các hoạt động phân vùng quản lý, bảo vệ môi trường
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo		
12	Chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm LĐ nông lâm ngư nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp lại ngư cụ - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp 	Ngư dân bị giảm ngư cụ (nò sáo) chuyển sang các hoạt động khác
13	Củng cố các hình thức tổ chức sản xuất	Hỗ trợ thành lập và củng cố CHNC cơ sở thông qua các hình thức đào tạo, tập huấn	Các CHNC cơ sở hoạt động hiệu quả
14	Giáo dục, đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ định cư cho các ngư dân sống “lang thang” → con cái được đi học - Tập huấn, nâng cao năng lực cho các hội viên CHNC cơ sở về khai thác và nuôi trồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng con em của các hộ ngư dân được đến trường ngày càng tăng - Kiến thức về đánh bắt, nuôi trồng của ngư dân được cải thiện
16	Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường mối liên kết cộng đồng: - Tổ chức các hoạt động sinh hoạt trong các CHNC thông qua các buổi tập huấn, trao đổi kiến thức nghề nghiệp - Tổ chức lễ hội cầu ngư, đua ghe 	- Đời sống tinh thần của ngư dân được cải thiện
17	Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Phân vùng quy hoạch và quản lý quy hoạch - Tổ chức các đợt hưởng ứng bảo vệ môi trường (thu gom rác) 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đầm phá được cải thiện - Nguồn tài nguyên được bảo vệ
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	Đào tạo, nâng cao kiến thức cho cán bộ chính quyền địa phương trong công tác quản lý và khai thác đầm phá	Kiến thức của cán bộ trong công tác quản lý đầm phá được nâng cao
19	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định ranh giới thông qua việc phân vùng quản lý - Giải quyết các xung đột 	Hạn chế các xung đột liên quan đến ranh giới quản lý và khai thác thủy sản

E – Kết quả từ IMOLA và mức độ phù hợp với quan điểm Tam Nông

E1 – Quan điểm của Tam Nông và hoạt động của IMOLA

#	Quan điểm của Tam Nông	Hoạt động của IMOLA
1	Lấy quy hoạch là căn bản	Phân vùng quy hoạch khai thác thủy sản
2	Phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái	Phát triển thủy sản bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái vùng đầm phá
3	Lấy nông dân là chủ thể của quá trình phát triển	Ngư dân là chủ thể
4	Phát huy cao nội lực, khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân	Xây dựng các hoạt động trên cơ sở tham gia và đồng thuận của cộng đồng ngư dân
5	Nâng cao đời sống nông dân	Nâng cao thu nhập cho ngư dân từ các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản bền vững

E2 – So sánh kết quả IMOLA và nhiệm vụ đặt ra của Tam Nông

#	Kết quả IMOLA	Tam Nông	
		Nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ
1	Quy hoạch quản lý tài nguyên thủy sản	Nhiệm vụ 1	Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng vùng
2	Phát triển các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản	Nhiệm vụ 1	Phát triển bền vững ngành thủy sản, gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng
3	- Hỗ trợ chế biến thủy sản - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề	Nhiệm vụ 1	Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch
4	Quy hoạch, phân vùng giao thông thủy	Nhiệm vụ 2	Phát triển giao thông thủy
5	Các hoạt động bảo vệ môi trường vùng đầm phá → bền vững trong khai thác tài nguyên	Nhiệm vụ 2	Bảo vệ môi trường nông thôn, ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng

6	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo, tập huấn kiến thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản bền vững - Tổ chức sinh hoạt cộng đồng: lễ hội cầu ngư, đua ghe - Ổn định cuộc sống, sinh kế cộng đồng 	Nhiệm vụ 3	Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn
7	Tập huấn, hỗ trợ chuyển đổi nghề	Nhiệm vụ 3	Đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân
8	Thông qua việc phân vùng quy hoạch và giao quyền quản lý → Hạn chế các xung đột	Nhiệm vụ 3	Đảm bảo an ninh trật tự xã hội
9	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và củng cố năng lực cho các Chi hội nghề cá cơ sở - Hiệu quả về tổ chức cộng đồng và quản lý sản xuất 	Nhiệm vụ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn - Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường
10	Đào tạo, tập huấn, giới thiệu kỹ thuật mới (bản đồ hóa, sử dụng công nghệ cao trong việc định vị) cho các cơ quan quản lý NN, nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ địa phương	Nhiệm vụ 5	Đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở
11	Hỗ trợ giao quyền quản lý và khai thác tài nguyên	Nhiệm vụ 6	Thực hiện rộng rãi cơ chế đấu thầu quyền khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên gắn với việc tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên
12	Hỗ trợ, đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý cho cán bộ cơ sở (xã, thôn)	Nhiệm vụ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nông nghiệp - Đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã - Hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp
13	Hỗ trợ Ban đồng quản lý	Nhiệm vụ 7	- Tăng cường sự tham gia của các hội đoàn thể và người dân